HIỆP ĐỊNH CỤ THỂ

giữa

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

và

Chính phủ Vương Quốc Bỉ

về dự án Hợp tác

"Tăng cường năng lực nghiên cứu, đào tạo và phát triển thực nghiệm kỹ thuật dệt của Viện Dệt May, giai đoạn II"

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi tắt là "Việt Nam",

và

Chính phủ Vương Quốc Bỉ, sau đây gọi tắt là "Vương Quốc Bỉ",

Cả hai được gọi tắt là "Hai bên"

Căn cứ vào "Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế, Công nghiệp và Kỹ thuật" giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Bỉ ký kết tại Hà Nội ngày 11 tháng 10 năm 1977;

Căn cứ vào Hiệp định Cụ thể giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Bỉ ký ngày 16 tháng 3 năm 1999 về dự án "Tăng cường năng lực nghiên cứu, đào tạo và phát triển thử nghiệm kỹ thuật dệt của Viện Dệt May, giai đoạn I (VIE/00/008);

Căn cứ vào Biên bản đã được thông qua tại Cuộc họp Uỷ ban Hỗn hợp về Hợp tác Phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Bỉ diễn ra vào ngày 15 tháng 12 năm 2003 tại Hà Nội;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1: Đối tượng của Hiệp định này

Hiệp định Cụ thể này xác định các cam kết về mặt thể chế, hành chính và ngân sách được hai bên nhất trí trong việc thực hiện dự án "Tăng cường năng lực nghiên cứu, đào tạo và phát triển thử nghiệm kỹ thuật dệt của Viện Dệt May, giai đoạn II", sau đây gọi tắt là dự án.

Mục tiêu chung của dự án là "Tăng cường năng lực cho ngành công nghiệp dệt may, đưa ngành dệt may trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn xuất khẩu".

Mục tiêu cụ thể của dự án là "Tăng cường năng lực cho Viện Dệt May giúp cung cấp các dịch vụ chất lượng tốt hơn cho ngành dệt may thông qua nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin".

Dự án được mô tả đầy đủ trong Hồ sơ Tài chính và Kỹ thuật, sau đây gọi tắt là HSTC&KT, được đính kèm theo Hiệp định Cụ thể và là một phần không thể tách rời của Hiệp định Cụ thể này.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên

2.1 Việt Nam chỉ định:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát chung việc thực hiện Hiệp định này;

- Bộ Công Thương là cơ quan chịu trách nhiệm đóng góp tài chính của phía Việt Nam, thực hiện kỹ thuật và theo dõi dự án.

2.2 Vương Quốc Bỉ chỉ định:

- Tổng vụ Hợp tác Phát triển trực thuộc Bộ Ngoại giao, Ngoại thương và Hợp tác Phát triển Liên bang, sau đây gọi tắt là "DGDC" là cơ quan chịu trách nhiệm đóng góp tài chính của Vương Quốc Bỉ cho dự án; DGDC có đại diện tại Việt Nam là Trưởng Bộ phận Hợp tác Phát triển làm việc tại Đại sứ quán Bỉ ở Hà Nội;

- Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ, là một công ty luật công hoạt động với mục đích xã hội sau đây gọi tắt là "BTC", là cơ quan điều hành chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi dự án; BTC có đại diện tại Việt Nam là Trưởng Đại diện ở Hà Nội.

Điều 3: Đóng góp tài chính của các bên cho dự án

Tổng ngân sách dự kiến của dự án là một triệu hai trăm hai mươi nghìn euro **(1.220.000 euro).**

Vương Quốc Bỉ đóng góp vào dự án một khoản viện trợ không hoàn lại là 1 triệu euro **(1.000.000 euro).**

Việt Nam đóng góp vào dự án hai trăm hai mươi nghìn euro **(220.000 euro)** do Bộ Công Thương cung cấp.

Ngân sách chi tiết và việc sử dụng ngân sách được mô tả trong HSTC&KT.

Điều 4: Các khoản đóng góp và nghĩa vụ của Việt Nam

Việt Nam sẽ áp dụng tất cả các biện pháp thể chế, hành chính và ngân sách cần thiết để thực hiện tốt và suôn sẻ dự án cũng như đảm bảo tính bền vững của các kết quả dự án.

Do đó Việt Nam sẽ:

- Cho phép tiếp cận các tài liệu cần thiết để thực hiện các hoạt động dự án;

- Cho phép Ban quản lý dự án, được đề cập tại Điều 6, mở một tài khoản ngân hàng có thể chuyển đổi được khi cần thiết;

- Bảo quản các thiết bị được mua sắm từ ngân sách dự án được sử dụng cho dự án và đảm bảo sử dụng và bảo dưỡng phù hợp các tài sản này;

- Đảm bảo cho các chuyên gia dự án người nước ngoài được hưởng quy chế miễn trừ và đặc quyền như quy định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 ban hành quy định đối với các chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình hoặc/và dự án ODA tại Việt Nam;

- Cung cấp hỗ trợ thông thường cho các chuyên gia quốc tế giúp họ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện dự án.

- Bổ nhiệm các cán bộ có năng lực của Việt Nam vào các vị trí như được mô tả trong HSTC&KT;

- Trả lương và các khoản trợ cấp có thể cho các cán bộ nhà nước của Việt Nam;

- Cung cấp văn phòng làm việc phù hợp được trang bị đủ nội thất và thiết bị;

- Đóng góp chi phí hoạt động và bảo dưỡng cho dự án như được mô tả trong HSTC&KT.

Điều 5: Các khoản đóng góp và nghĩa vụ của Vương Quốc Bỉ

Vương Quốc Bỉ sẽ đóng góp vào việc thực hiện tốt và suôn sẻ dự án bằng cách cung cấp các đầu vào như được mô tả chi tiết trong HSTC&KT.

Do đó BTC sẽ:

- Tuyển dụng và bổ nhiệm các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế như được mô tả trong HSTC&KT;

- Trả lương, bảo hiểm xã hội, chi phí đi lại và nhà ở cho các chuyên gia quốc tế và thành viên gia đình họ (nếu có và khi phù hợp);

- Cung cấp dịch vụ tư vấn khi cần thiết cho các nhiệm vụ và hoạt động đặc biệt và cụ thể của dự án, như được mô tả trong HSTC&KT;

- Cung cấp các dịch vụ và thiết bị như được nêu trong HSTC&KT.

Điều 6: Quản lý, chỉ đạo và giám sát dự án

6.1 Việc quản lý kỹ thuật và tài chính của dự án sẽ do *Ban quản lý dự án* thực hiện. Thành phần và trách nhiệm của Ban quản lý dự án được nêu chi tiết trong HSTC&KT;

6.2 Hai bên nhất trí thành lập *Ban chỉ đạo dự án* chịu trách nhiệm theo dõi dự án. Thành phần Ban chỉ đạo, số lần họp, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban chỉ đạo dự án được quy định trong HSTC&KT;

6.3 Trên cơ sở đánh giá tình hình và tiến độ thực hiện dự án, *Ban chỉ đạo dự án* có quyền sửa đổi HSTC&KT với điều kiện những sửa đổi này không làm thay đổi các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án (Điều 1), ngân

sách dự án (được xác định tại Điều 3) hoặc thời hạn của Hiệp định Cụ thể này (Điều 11.1). Những thay đổi nêu trên, nếu cần thiết, sẽ phải được thông qua bằng trao đổi công hàm như được quy định tại điều 11.2.

6.4 Một bản chụp Biên bản các cuộc họp *Ban chỉ đạo dự án* sẽ được chuyển tới Trưởng Bộ phận Hợp tác Phát triển tại Đại sứ quán Bỉ.

Điều 7: Sở hữu kết quả dự án và trao đổi thông tin

7.1 Tất cả tài liệu và số liệu thu được từ các hoạt động của dự án là tài sản của cả hai Chính phủ và sẽ ghi rõ nguồn gốc song phương.

7.2 Các bên sẽ chuyển cho nhau tất cả các thông tin liên quan để thực hiện tốt và suôn sẻ dự án.

Điều 8: Thuế và thuế nhập khẩu

8.1 Số tiền đóng góp của Vương Quốc Bỉ sẽ không được sử dụng để chi trả thuế, thuế hải quan và thuế nhập khẩu hoặc các phí khác có liên quan đến thuế (kể cả thuế VAT) đối với các cung ứng hoặc thiết bị, lao động và dịch vụ.

8.2 Các khoản thuế phải đóng theo luật và quy định của Việt Nam nếu có phải được trích từ phần đóng góp của phía Việt Nam.

Điều 9: Sử dụng ngân sách còn lại

9.1 Cam kết tài chính cho việc thực hiện các hợp đồng đã được ký kết trước khi dự án kết thúc sẽ vẫn được đảm bảo cho đến khi có xác nhận cuối cùng như được nêu trong hợp đồng.

9.2 Phần ngân sách còn lại từ phần đóng góp của Vương Quốc Bỉ liên quan đến ngân sách chưa được sử dụng hết trong phần Vương Quốc Bỉ quản lý hoặc ngân sách chưa được chuyển vào tài khoản ngân hàng đồng quản lý thì sẽ được giữ lại khi kết thúc dự án.

9.3 Hai bên sẽ cùng quyết định, trong khuôn khổ của Chương trình Hợp tác Định hướng Việt Nam – Vương Quốc Bỉ, về việc sử dụng ngân sách còn lại trong tài khoản ngân hàng đồng quản lý. Các quyết định này sẽ được xác nhận thông qua trao đổi công hàm.

Điều 10: Báo cáo, kiểm tra và đánh giá

10.1 Tất cả các thủ tục liên quan đến báo cáo quản lý và hoạt động cũng như báo cáo kế toán và tài chính được mô tả đầy đủ trong HSTC&KT.

10.2 Mỗi bên có thể tiến hành xem xét hoặc đánh giá dự án vào thời điểm bất kỳ trong thời gian thực hiện dự án cùng với bên kia hoặc riêng biệt, với thông báo trước trong một thời gian phù hợp với phía bên kia. Hai bên sẽ thông báo cho nhau về kết quả và các đề xuất nếu có của các hoạt động kiểm tra và đánh giá này.

Điều 11: Thời gian, gia hạn, huỷ bỏ, sửa đổi và tranh chấp

11.1 Hiệp định Cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ giữ nguyên hiệu lực trong 48 tháng. Thời hạn thực hiện dự án dự kiến là 36 tháng.

11.2 Hiệp định Cụ thể có thể được gia hạn hoặc sửa đổi thông qua trao đổi công hàm.

11.3 Hiệp định Cụ thể này có thể được chấm dứt bởi hai bên, thông qua các kênh ngoại giao và được thông báo trước 3 tháng.

11.4 Các tranh chấp liên quan đến việc áp dụng và diễn giải Hiệp đinh Cụ thể này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa hai bên.

Điều 12: Địa chỉ

Các thông báo theo yêu cầu của Hiệp định này mà cụ thể hơn là các thông báo liên quan đến việc sửa đổi hoặc diễn giải Hiệp định sẽ được gửi theo các kênh ngoại giao tới các địa chỉ sau:

Phía Việt Nam gửi tới:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2, Hoàng Văn Thụ,
Hà Nội

Phía Vương Quốc Bỉ gửi tới:

Đại sứ quán Vương Quốc Bỉ
49, Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Tất cả các thông báo và thư từ liên quan tới việc thực hiện kỹ thuật Hiệp định này sẽ được gửi tới:

Đại diện thường trú,
Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Bỉ,
Nhà F7, 14 Thuỵ khê, Quận Tây hồ,
Hà Nội

Được thực hiện tại Hà Nội, vào ngày 18 tháng 12 năm 2007, thành bốn bản, hai bản tiếng Việt và hai bản tiếng Anh, tất cả các bản có giá trị như nhau.

Để làm bằng, đại diện được uỷ quyền của hai Chính phủ đã ký Hiệp định này.

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	**Chính phủ Vương Quốc Bỉ**
BÙI XUÂN KHU **Thứ trưởng Bộ Công Thương**	**HUBERT COOREMAN** **Đại sứ Vương quốc Bỉ tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC BỈ
&
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH
(ĐÃ ĐƯỢC BQL CHẤT LƯỢNG CỦA BỈ PHÊ DUYỆT, 27/06/07)

"TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN THỬ NGHIỆM KỸ THUẬT DỆT CỦA VIỆN DỆT MAY, GIAI ĐOẠN II"

Nước đối tác	Việt Nam		
Số tham chiếu DGDC	3004014		
Số tham chiếu BTC	VIE 04 029 11		
Lĩnh vực	32163	32182	
Cơ quan đối tác	Bộ Công - Thương		
Đóng góp của nước đối tác	220.000 EUR		
Đóng góp của phía Bỉ	1.000.000 EUR		
Tổng ngân sách dự án	1.220.000 EUR		
Thời gian bắt đầu dự kiến	Tháng 12 năm 2007		
Tổng thời gian	36 tháng		

MỤC LỤC

MỤC LỤC 3
1. BỐI CẢNH 4
1.1. Ngành công nghiệp dệt may Việt Nam 4
1.2. Phát triển ngành công nghiệp dệt và chiến lược quốc gia về giảm nghèo. 5
1.3. Bối cảnh thể chế 6
1.3.1 Bộ Công nghiệp và Tập đoàn dệt may Việt Nam (VINATEX) 6
1.3.2. Viện nghiên cứu dệt may (TRI) 6
1.3.3. Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) 8
1.3.4. Trường đại học bách khoa Hà Nội, Khoa công nghệ dệt may và thời trang 8
1.4. Chiến lược và kinh nghiệm thực tế của Bỉ trong lĩnh vực dệt may 9
1.5. Các can thiệp khác trong lĩnh vực này 9
2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH 11
2.1 Những thách thức trong tương lai đối với ngành dệt may Việt Nam 11
2.2 Phân tích thế mạnh-điểm yếu-cơ hội-thách thức của Viện nghiên cứu dệt may 12
2.3 Các bài học của dự án giai đoạn I 14
3. CHIẾN LƯỢC CAN THIỆP 15
4. KẾ HOẠCH HoẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN 16
4.1. Mục tiêu chung 16
4.2. Mục tiêu cụ thể 16
4.3. Các bên liên quan và đối tượng hưởng lợi 16
4.4. Các kết quả 16
4.5. Các kết quả và hoạt động 16
4.6. Các chỉ số và phương tiện đánh giá 22
5. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT, RỦI RO VÀ GIẢ ĐỊNH, TÍNH BỀN VỮNG 22
5.1 Các điều kiện tiên quyết 22
5.2 Các giả định và rủi ro 23
5.3 Tính bền vững 24
6. NGUỒN NGÂN SÁCH 24
7. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN 27
7.1. Phương thức quản lý 27
7.2. Cơ cấu thực hiện 27
7.2.1. Ban chỉ đạo dự án 27
7.2.2. Ban quản lý dự án 29
7.3 Cơ chế tài chính 29
7.4. Khung pháp lý 30
7.4.1. Tuyển nhân viên 30
7.4.2. Các nguyên tắc đấu thầu 30
7.5. Theo dõi và đánh giá 31
7.6. Kết thúc dự án 32
8. PHỤ LỤC 33
PHỤ LỤC 1: KHUNG LÔ-GÍCH DỰ ÁN 33
PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 36
PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 39
PHỤ LỤC 4: MÔ TẢ THIẾT BỊ 40
PHỤ LỤC 5: CÁC TỪ VIẾT TẮT 42

1. BỐI CẢNH

1.1. Ngành công nghiệp dệt may Việt Nam

Trong những năm qua, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Các sản phẩm dệt may Việt Nam đã thâm nhập vào thị trường thế giới, qua đó đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Giá trị xuất khẩu năm 2006 đạt 5.8 ti đôla Mỹ so với 1.87 ti đôla Mỹ trong năm 2001 (xem Báo cáo về Việt Nam – Bộ phận tình báo Liên minh Châu Âu, tháng 4 năm 2007).

Ngành công nghiệp dệt may tạo ra 2,16% GDP năm 2001. Trong năm 2006, dệt may chiếm 14,9% tổng giá trị xuất khẩu, là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ hai (17%) sau dầu thô (21.4%). Những thị trường xuất khẩu chính cho hàng dệt may Việt Nam là: EU (18%), Nhật Bản (13%) và Mỹ (55% năm 2005). Ngành công nghiệp dệt may đang thu hút lượng lao động khá lớn với khoảng 2 triệu nhân công, tương đương khoảng 20% tổng lực lượng lao động của toàn ngành công nghiệp.

Ngành công nghiệp dệt may của Việt Nam gồm hơn 2.000 doanh nghiệp, trong đó 50 doanh nghiệp quốc doanh, 1.500 công ty liên doanh hoặc tư nhân và 472 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trên 50% số doanh nghiệp có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm gần đây, các công ty dệt may đã thay thế hầu hết trang thiết bị lạc hậu, đầu tư nhập khẩu trang thiết bị hiện đại của Châu Âu hay Nhật Bản. Các doanh nghiệp may đầu tư vào những dây chuyền sản xuất mới và hiện đại với nhiều thiết bị chuyên môn chất lượng tốt để sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao. Mặc dù Việt Nam đang tăng cường mua sắm thiết bị tương đối hiện đại nhưng sản lượng vẫn còn tương đối thấp so với Trung Quốc và Ấn Độ, chủ yếu do kỹ năng quản lý quy trình sản xuất yếu kém.

Trọng tâm của nghành công nghiệp là sản phẩm may mặc. Trong năm 2004, hàng may mặc chiếm 90% trong tổng sản lượng hàng xuất khẩu. Ngành dệt trong nước chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu sợi của toàn ngành may mặc và 15% nhu cầu của chính nó. Do đó, các đơn vị xuất khẩu hàng may mặc phụ thuộc chủ yếu vào nguyên vật liệu và phụ kiện của nước ngoài để thực hiện các đơn đặt hàng của các công ty nước ngoài.

Thị trường ngành dệt may trong nước hiện nay chưa được ngành công nghiệp này đáp ứng đầy đủ. Mặc dù Việt Nam là một nước sản xuất may mặc lớn trên thế giới nhưng nó chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu trong nước. Với dân số hiện nay là hơn 80 triệu người thì thị trường trong nước còn có nhiều tiềm năng phát triển.

Việc Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới tháng 1 năm 2007 đã tạo động lực để thúc đẩy ngành dệt may nhờ đã dỡ bỏ được hạn ngạch nhập khẩu may mặc và đồng thời, đảm bảo tiếp tục tự do hóa thương mại. Hạn ngạch dệt may đã được dỡ bỏ trên toàn thế giới và Việt Nam hiện có thể cạnh tranh bình đẳng với các nước thành viên WTO.

Sau khi trở thành thành viên WTO, một kết quả tất yếu là buộc phải cổ phần hóa (tư nhân hóa một phần) các doanh nghiệp quốc doanh và xóa bỏ bao cấp. Cổ phần hóa trước hết là quá trình các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, sau đó Nhà nước bán một phần hay toàn bộ cổ phần của nhà nước trong các công ty này. Quá trình này dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2009.

1.2. Phát triển ngành công nghiệp dệt và chiến lược quốc gia về giảm nghèo.

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2006-2010 của Việt Nam (Bộ kế hoạch & đầu tư, tháng 3/2006) xác định những mục tiêu sau cho ngành dệt may: sản xuất 1.100 triệu m² sản phẩm sợi các loại, 1.500 triệu sản phẩm may và đạt doanh thu xuất khẩu 10 tỉ đôla Mỹ vào năm 2010.

Để đạt mục tiêu này đòi hỏi có sự thay đổi cơ bản trong tổ chức sản xuất. Việt Nam cần mở rộng thị trường nội địa song song với tăng cường xuất khẩu, từng bước gia nhập hệ thống phân phối toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia, bảo đảm tự cung các nguồn nguyên liệu đầu vào trong nước và đầu tư mở rộng sản xuất, đặc biệt là sản xuất tơ lụa. Cần chú trọng cải tiến mẫu mã và chất lượng sản phẩm (Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2006-2010, trang 71).

Để góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2006-2010, Bộ công nghiệp đã xây dựng "Chiến lược phát triển ngành dệt may đến 2010 (xem quyết định số 55/2001/QĐ-TTg, 23/04/2001). Mục tiêu của chiến lược là: "tăng cường năng lực ngành dệt may Việt Nam để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung xuất khẩu, thỏa mãn hơn nữa nhu cầu tiêu dùng trong nước; tạo công ăn việc làm; nâng cao tính cạnh tranh và hội nhập vững chắc với nền kinh tế thế giới và khu vực".

"Quy hoạch tổng thể phát triển ngành dệt may đến 2010" (xem quyết định số 8288/QĐ-UB, 28/12/2001) đề ra hai hướng chiến lược chính sau:

- tạo thêm giá trị gia tăng cho ngành dệt may Việt Nam bằng cách từng bước tăng cường sản xuất các sản phẩm có giá trị cao và các sản phẩm thời trang;
- tăng thành phần sản xuất trong nước của các mặt hàng xuất khẩu (đến năm 2010 đạt 50%) bằng cách đầu tư nhằm tăng khả năng tự cung ứng bông và sợi.

Dự án hoàn toàn phù hợp với Chiến lược phát triển ngành dệt may đến năm 2010 của chính phủ Việt Nam.

1.3. Bối cảnh thể chế

1.3.1 Bộ Công nghiệp và Tập đoàn dệt may Việt Nam (VINATEX)

Bộ công nghiệp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước khối công nghiệp, dịch vụ công và đại diện sở hữu nhà nước trong các công ty cổ phần. Bộ chịu trách nhiệm giám sát 9 viện nghiên cứu, 24 trường trung học dạy nghề và cao đẳng và hơn 60 cơ sở kinh doanh thương mại.

Một trong những cơ sở này thuộc quản lý của Bộ là "Tập đoàn dệt may Việt Nam" (VINATEX). VINATEX, thành lập năm 1995 tiền thân là Tổng công dệt may Việt Nam, hoạt động bằng vốn nhà nước, sau này chuyển thành tập đoàn và quản lý 72 cơ sở dệt may nhà nước. Ngày 2/12/2005, theo quyết định số 316/2005/QD-TTg của Thủ tướng chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Tổng công ty cơ cấu lại tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ con. Từ đó đến nay đã có 40 doanh nghiệp thuộc VINATEX được cổ phần hóa và/hoặc tư nhân hóa một phần. VINATEX chiếm đa số cổ phần, là công ty mẹ của 28 trong số 40 doanh nghiệp đã được cổ phần hóa này. Ngoài ra, 9 doanh ngiệp nhà nước cũng được tái cơ cấu thành các công ty TNHH một thành viên, hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Kể từ khi cổ phần hóa và tư nhân hóa, VINATEX đã mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như thương mại, tài chính, vận tải, phát triển công nghiệp, cho thuê văn phòng, bán lẻ .v.v.

Mục tiêu của VINATEX là đến năm 2010 sẽ trở thành một tập đoàn đa sở hữu dẫn đầu khu vực về cả năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh (xem Liên minh Châu Âu, tham tán kinh tế và thương mại, 2006, Báo cáo về Việt Nam). Các hoạt động chính của tập đoàn là sản xuất các sản phẩm dệt may, mở rộng sản xuất thông qua đầu tư và cải tiến công nghệ, tăng chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm thông qua nghiên cứu và phát triển để đáp ứng nhu cầu khách hàng nội địa và quốc tế.

Tập đoàn tạo việc làm cho 105.000 công nhân, chiếm 10% tổng nhân công của ngành dệt may trong nước. Năm 2005, VINATEX đạt 32% giá trị sản xuất công nghiệp của toàn ngành, đạt doanh thu xuất khẩu hơn 1.035 triệu đô la Mỹ (tương đương 23,6% giá trị xuất khẩu của ngành). Lợi nhuận hàng năm của tập đoàn đạt 32 triệu đôla Mỹ năm 2005 và đóng góp vào ngân sách Nhà nước 111,2 triệu đôla Mỹ. Năm 2006, VINATEX sản xuất 350 triệu m2 vải dệt, 11.700 tấn sản phẩm dệt và 200 triệu sản phẩm may mặc.

Ba viện nghiên cứu nằm dưới sự bảo trợ của VINATEX bao gồm Viện Dệt May (TRI), Viện thiết kế thời trang (FADIN) và Viện nghiên cứu và phát triển cây bông (INCORD). Tập đoàn sở hữu và quản lý 1 trường dạy nghề và 2 trường cao đẳng chuyên nghiệp, đào tạo công nhân dệt, chuyên gia kỹ thuật, cơ khí và thiết kế thời trang.

1.3.2. Viện nghiên cứu dệt may (TRI)

Viện Nghiên cứu dệt may (TRI) thành lập năm 1969 với vai trò là cơ quan nghiên cứu phát triển của VINATEX. Viện có trụ sở tại Hà Nội và có phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 5/9/2005, chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 115/2005NĐ-CP, quy định cơ chế tự chủ, tự quản đối với các tổ chức khoa học và công nghệ nhà nước. Căn cứ Nghị định này và thông tư liên bộ tháng 6/2006, đến năm 2009, Viện sẽ trở thành một tổ chức tự hạch toán các

hoạt động thường xuyên. Theo những yêu cầu mới này, từ ngày 1/1/2007, TRI đã được tái cơ cấu và phân chia thành 3 bộ phận như sau:

Ban hỗ trợ: gồm phòng hành chính, kế hoạch, quản lý nghiên cứu khoa học và các dự án khác, hợp tác quốc tế, kinh doanh sản xuất.

Ban nghiên cứu: Bộ phận nghiên cứu dệt may, trung tâm kiểm tra chất lượng dệt may và trung tâm thiết kế thời trang.

Các cơ sở trực thuộc: Phân viện dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh, xưởng thực nghiệm.

TRI có 126 nhân viên (82 tại Hà Nội và 44 tại thành phố Hồ Chí Minh) trong đó 29 người làm việc cho bộ phận hành chính, 7 cho bộ phận tài chính, 29 người thuộc bộ phận nghiên cứu, 24 thuộc bộ phận thí nghiệm, 7 thuộc bộ phận thiết kế và 40 người thuộc các phân xưởng. Trình độ học vấn của nhân viên TRI bao gồm 4 tiến sĩ, 13 thạc sĩ và 61 cử nhân/kỹ sư.

Tại Việt Nam, TRI được xem là cơ sở duy nhất có kinh nghiệm về kiểm nghiệm các tính chất lý, hóa và kiểm định nhanh các sản phẩm dệt may. Với sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ, TRI đã xây dựng năng lực và mua sắm được các thiết bị kiểm nghiệm cần thiết. Hiện nay, TRI có khả năng và được trang bị để kiểm tra các thông số môi trường và độc tố sinh học trong các sản phẩm dệt (kiểm tra tính phù hợp sinh thái). Phòng thí nghiệm của TRI đã đạt được chứng chỉ ISO/IEC 17025:2000. Tuy nhiên, TRI vẫn phải gửi mẫu ra nước ngoài để kiểm tra một số thông số nhất định.

Chiến lược mới của TRI xác định các mục tiêu phát triển sau:

- Trở thành viện nghiên cứu và phát triển hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực dệt may;
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may và nguyên liệu thô;
- Cung cấp dịch vụ cố vấn kỹ thuật và đào tạo chuyên môn, phổ biến thông tin cho ngành công nghiệp dệt may;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật hiệu quả như sửa chữa, xác minh và tinh chỉnh các thiết bị dệt;
- Ứng dụng tin học trong quản lý, nghiên cứu và dịch vụ;
- Trở thành tổ chức khoa học – kỹ thuật hạch toán độc lập bằng cách từng bước tăng cường và củng cố các hoạt động sản xuất và kinh doanh;
- Duy trì nguồn vốn và tài sản ban đầu được chuyển giao của viện;
- Cải thiện điều kiện làm việc và mức sống cho cán bộ nhân viên;
- Từng bước xây dựng và quảng bá rộng rãi uy tín về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ của viện.

TRI xác định những hoạt động chính trong kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu trên là:

- Nghiên cứu kỹ thuật và chính sách;
- **Nghiên cứu và phát triển** các sản phẩm và công nghệ mới cho ngành công nghiệp dệt;
- **Chuyển giao công nghệ** thông qua hoạt động tư vấn cho ngành dệt may;
- **Kiểm tra và chứng nhận** các nguyên vật liệu thô, thành phẩm và các thông số sinh thái/môi trường;
- Phát triển các phương pháp tiêu chuẩn cho các bộ quy tắc về kiểm tra và kỹ thuật;
- Phối hợp với các viện nghiên cứu/trường đại học để **cung cấp các khóa đào tạo/giảng dạy** về kiểm tra, thiết kế, cập nhật công nghệ mới cho học viên sau đại học hoặc kỹ sư;
- Phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật;
- **Hoạt động kinh doanh** trong lĩnh vực sản xuất dệt may.

TRI sẽ phải tạo doanh thu từ các dịch vụ (ví dụ như nghiên cứu, đào tạo, kiểm tra). Hiện nay, Viện chủ yếu cung cấp dịch vụ cho Bộ Công nghiệp, VINATEX, VITAS và các trường đại học cũng như tạo doanh thu từ dây chuyền sản xuất của Viện. Bên cạnh đó, 35% lương của nhân viên TRI được VINATEX tài trợ.

1.3.3. Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS)

Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) là một hiệp hội phi chính phủ, đại diện cho ngành dệt may ở Việt Nam. Hiện hiệp hội có 600 công ty, tổ chức và doanh ngiệp thành viên, chiếm tổng số 70% sản lượng ngành dệt may của cả nước. VINATEX là một thành viên của VITAS.

Với tư cách là đại diện duy nhất của ngành dệt may, các hoạt động chính của VITAS bao gồm:

- Xúc tiến kinh doanh và đầu tư vào ngành;
- Trao đổi thông tin và cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn cho các thành viên;
- Tư vấn cho chính phủ về các chính sách liên quan tới ngành công ngiệp dệt may tại Việt Nam;
- Đại diện cho ngành dệt may Việt Nam ở cấp quốc tế;
- Thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước với thế giới.

VITAS có 14 cán bộ và chia thành 5 bộ phận gồm xúc tiến thương mại, thông tin, lập chính sách, đào tạo và quan hệ đối ngoại.

VITAS dự định thành lập một trung tâm đào tạo (công ty cổ phần) tại một khu công nghiệp ngoại ô Hà Nội với tổng chi phí đầu tư 4 triệu đôla Mỹ. Trung tâm đào tạo sẽ hoạt động vào năm 2008/2009 và sẽ tập trung vào đào tạo quản lý, thương mại và kỹ thuật. TRI có thể sẽ tham gia với tư cách là cơ quan cung cấp dịch vụ đào tạo.

1.3.4. Trường đại học bách khoa Hà Nội, Khoa công nghệ dệt may và thời trang

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội được thành lập năm 1956, là trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Kể từ đó, trường là cơ sở đào tạo kỹ sư và nghiên cứu khoa học cho hầu hết các lĩnh vực công nghiệp trong cả nước. Trường có 16 khoa đào tạo trong đó có một khoa chuyên về công nghệ dệt may. Trường có một chương trình đào tạo đại học, một chương trình cao học và một chương trình tiến sĩ. Khoa công nghệ dệt may và thời trang tập trung chủ yếu vào đào tạo kỹ sư cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh cũng có khoa kỹ thuật tương tự.

Khoa công nghệ dệt may và thời trang tại Hà Nội có 40 giảng viên, trong đó có 10 tiến sĩ, 2 giáo sư và 10 thạc sĩ. Mỗi năm, khoa có khoảng 80-100 sinh viên đại học, 30-40 sau đại học và 3-6 học viên theo học bằng tiến sĩ. Các môn đào tạo ở bậc đại học gồm công nghệ dệt (công nghệ kéo sợi, dệt thoi và vải không dệt), dệt kim, công nghệ nhuộm và hoàn thiện, công nghệ may và thời trang.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo thường xuyên, Khoa cũng tổ chức đào tạo theo yêu cầu của các cơ sở dệt may. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ tài chính thông qua trường đại học Bách khoa.

Khoa liên kết với một số trường đại học quốc tế như đại học Grenoble (Pháp), Đại học Gent (Bỉ), Liberec (Cộng hòa Séc). Một trong những dự án gần đây với đại học Bỉ là dự án nghiên cứu về vải chống vi khuẩn do VLIR tài trợ .

Trước đây, hoạt động hợp tác giữa Khoa với Viện nghiên cứu dệt May (TRI) rất mạnh mẽ song những năm gần đây đã có phần hạn chế. Hợp tác giữa Khoa và Viện chủ yếu là cho sinh viên của Khoa thực tập và sử dụng các trang thiết bị phòng thí nghiệm để tiến hành nghiên cứu đề tài và tham gia các khóa đào tạo kỹ năng sử dụng trang thiết bị. Mặc dù nghiên cứu nhận diện dự án đã đề xuất cần hợp tác chặt chẽ hơn nhưng đoàn hình thành dự án được Trưởng khoa cho biết Trường gần như không quan tâm đến vấn đề này. Thảo luận giữa các bên cho thấy rõ ràng là cả hai cơ quan này đều có ý tưởng cạnh tranh lẫn nhau để được viện trợ cho hoạt động nghiên cứu trong thời gian tới.

1.4. Chiến lược và kinh nghiệm thực tế của Bỉ trong lĩnh vực dệt may

Hoạt động hợp tác của Bỉ ở Việt Nam gắn chặt với "Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 và 2006-2010) và "Chiến lược tăng trưởng và giảm nghèo toàn diện".

Chính phủ Bỉ đã hỗ trợ ngành dệt của Việt Nam thông qua dự án "Tăng cường năng lực nghiên cứu, đào tạo và phát triển thí nghiệm các kỹ thuật dệt" (VIE/00/008)". Hiệp định cụ thể giữa chính phủ Bỉ và chính phủ Việt Nam cho dự án này được ký tháng 3 năm 1999 và dự án đã kết thúc vào tháng 7 năm 2004. Phía Bỉ đã đóng góp 1.214.678 euro cho dự án, phía Việt Nam đóng góp 7.375.000.000 VND (530.600 đôla Mỹ).

Mục tiêu chung của hoạt động can thiệp này là hỗ trợ Việt Nam trong nỗ lực hiện đại hóa và cải thiện hiệu quả hoạt động của ngành công nghiệp dệt. Mục tiêu cụ thể của dự án VIE/00/008 là củng cố năng lực thể chế của Viện nghiên cứu dệt may tại Hà Nội và phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh trong nghiên cứu, đào tạo và phát triển thử nghiệm các kỹ thuật dệt thông qua:

- Mua trang thiết bị và tài liệu mới cho Viện và phân viện;
- Đào tạo cho cán bộ Viện và phân viện;
- Xây dựng nhà xưởng mới cho phòng thí nghiệm.

Dự án đã nâng cao năng lực của Viện và phân viện để các đơn vị này có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo, tư vấn và thử nghiệm cho ngành dệt và may mặc của Việt Nam.

Tại cuộc họp Ủy ban hỗn hợp Việt – Bỉ được tổ chức tại Hà Nội ngày 15/12/2003, hai bên tái khẳng định mong muốn sẵn sàng hỗ trợ ngành dệt may phát triển tiềm năng kinh tế và nhân lực thông qua tiếp tục hợp tác với Viện trong các lĩnh vực như xây dựng năng lực, nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo.

1.5. Các can thiệp khác trong lĩnh vực này

Hiện chưa có nhà tài trợ nào hỗ trợ cho Viện nghiên cứu dệt may.

Một số nhà tài trợ đang hỗ trợ ngành dệt may ở Việt nam thông qua Chương trình Hỗ trợ Phát triển Khu vực Tư Nhân vùng Mekong (MPDF). MPDF đồng tài trợ cho Trung tâm đào tạo dệt may quốc tế (IGTC) thông qua liên doanh gồm 13 công ty may của thành phố Hồ Chí Minh, vốn là thành viên của Hiệp hội thêu đan và dệt may (AGTEK). IGTC đã trở thành một hiệp hội chính

thức. MPDF là sáng kiến tài trợ đa phương của Công ty tài chính quốc tế ở Việt Nam, Campuchia và Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào năm 1997. Các nhà tài trợ của MPDF là Ngân hàng phát triển Á Châu, Úc, Canada, Phần Lan, Công ty tài chính quốc tế, Ai-rơ-len, Nhật Bản, Niu-zi-lân, Hà Lan, Na Uy, Thụy Sỹ, Thụy Điển và Anh. IGTC đã huy động thêm nguồn vốn của Tổ chức Phát triển và Tài trợ Quốc tế của Niu-zi-lân (NZAID) và Hợp tác Phát triển Quốc tế Đan Mạch (DANIDA). Mục đích của IGTC là nâng cao kỹ năng của các cấp quản lý và giám sát may mặc. Trung tâm nhằm vào ba nhóm đối tượng. Nhóm đầu tiên là các quản đốc phân xưởng, các cán bộ giám sát của các bộ phận như lập kế hoạch, nguồn nhân lực, kiểm tra chất lượng sản phẩm, marketing, bán hàng và thương mại. Nhóm thứ hai là sinh viên mới tốt nghiệp các trường kỹ thuật và cao đẳng khoa dệt may hay quản trị kinh doanh, là những người cần được đào tạo thực hành và chuyển giao kinh nghiệm. Nhóm thứ ba là giảng viên các trường đại học và các cán bộ đào tạo đang giảng dạy các môn về may mặc, là những người muốn mở rộng kiến thức và/hoặc nâng cao kỹ năng giảng dạy.

2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

2.1 Những thách thức trong tương lai đối với ngành dệt may Việt Nam

Trong những năm qua, ngành dệt may Việt Nam đã trải qua sự phát triển mạnh mẽ, tập trung vào thị trường xuất khẩu nhờ chi phí lao động thấp, lực lượng thợ may lành nghề, đầu tư mới trang thiết bị hiện đại, đặc biệt là lĩnh vực dệt thoi và dệt kim. Những yếu tố đóng góp vào sự phát triển ngành dệt may gồm thị trường tiềm năng trong nước, năng suất lao động ngày càng tăng, tình hình kinh tế chính trị ổn định, môi trường kinh doanh và môi trường pháp lý được cải thiện trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam vẫn chưa thể cạnh tranh được với những nước như Trung Quốc, Ấn Độ và phần lớn vẫn phải phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu thô để đáp ứng nhu cầu trong nước. Vì thế, quy hoạch tổng thể của Chính phủ gồm có hai mục tiêu chính sách chính:

- Tạo ra giá trị tăng thêm cho ngành dệt may Việt Nam;
- Tăng thành phần sản xuất trong nước của sản phẩm dệt may xuất khẩu bằng cách đầu tư hiệu quả vào ngành sản xuất bông, dệt kim và dệt thoi.

Để đạt được mục tiêu này, ngành dệt may Việt Nam phải vượt qua những thách thức sau đây:

- Giảm chi phí sản xuất hiện còn ở mức cao bằng cách nghiên cứu cải thiện công nghệ và cung cấp thông tin;
- Nâng cao các tiêu chuẩn kỹ thuật và sử dụng hiệu quả công nghệ mới;
- Tăng cường kỹ năng quản lý và lao động lành nghề;
- Nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm trong nước;
- Chuyển từ sản xuất theo đơn hàng sang sản xuất để bán thành phẩm, nhờ đó có thể tạo thêm giá trị gia tăng cho sản phẩm bán trong nước.
- Giảm tỉ lệ nhập khẩu nguyên liêu thô, bán thành phẩm và phụ kiện may mặc.
- Cập nhật và cải tiến công nghệ nhuộm và hoàn thiện sản phẩm để nâng cao năng suất, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu an toàn lao động và môi trường;
- Cải tiến mẫu mã và chất lượng (đặc biệt chú trọng);
- Phát triển thị trường ngách, đòi hỏi sản phẩm có giá trị cao, số lượng hạn chế (như tơ tằm, vi sợi hoàn thiện theo công nghệ nano, sợi nhiều thành phần);
- Phát triển thị trường bán hàng điện tử.

Do đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động, nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm sẽ là những thách thức lớn trong tương lai. Do vậy, với tư cách là cơ quan nghiên cứu và có tiềm năng trong đào tạo, cung cấp thông tin, TRI có thể đóng vai trò xúc tác tích cực đối với sự phát triển của ngành dệt may.

2.2 Phân tích thế mạnh-điểm yếu-cơ hội-thách thức của Viện nghiên cứu dệt may

Viện nghiên cứu dệt may được coi là đơn vị nghiên cứu duy nhất của ngành dệt may Việt Nam, có thể cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và phát triển, dịch vụ thử nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin cho toàn ngành dệt may Việt Nam (Xem Kế hoạch chiến lược của Viện, Chương 1, phần 1.3.2).

Một trong những điểm mạnh của Viện là có cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tốt, đội ngũ cán bộ có tay nghề, một phòng thí nghiệm có một không hai và có đủ khả năng cung cấp các dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, trang thiết bị vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành đặc biệt là trong công đoạn thử nghiệm, nhuộm và hoàn thiện, kỹ năng của cán bộ cần được nâng cao để có thể thực hiện các công trình nghiên cứu và phát triển trình độ cao và khai thác triệt để máy móc thiết bị sẵn có. Trên phạm vi quốc gia và quốc tế, Viện vẫn ít được biết đến và mối liên kết với các cơ sở giáo dục trong lĩnh vực dệt may vẫn còn khá yếu kém.

Trong bối cảnh Việt Nam đang có nhiều thay đổi, Viện chắc chắn có thể trở thành một cơ sở thí nghiệm tốt nhất và có nhiều khả năng trở thành một viện nghiên cứu và phát triển hàng đầu của toàn ngành dệt may Việt Nam. Do vậy, trong tương lai Viện sẽ đầu tư hơn nữa để tăng vốn và phát triển nguồn nhân lực để trở thành một trung tâm thật xuất sắc về lĩnh vực này. Điều này đã được thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển trong tương lai của Viện.

Bảng dưới đây mô tả chi tiết các thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Viện.

Bảng 1: Phân tích thế mạnh-điểm yếu-cơ hội-thách thức của Viện

THẾ MẠNH
Cơ sở hạ tầng - Viện có nhà xưởng tốt để làm việc thuận lợi và có đủ không gian để mở rộng hơn nữa. Cán bộ - Cán bộ của viện được nâng cao kỹ năng - Một số cán bộ có trình độ vi tính tốt Thí nghiệm - Viện có phòng thí nghiệm hiện đại, đạt tiêu chuẩn, gần như đạt tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm hiện đại như ở Tây Âu. - Viện là cơ cơ cung cấp dịch vụ cho toàn ngành đặc biệt là dịch vụ thí nghiệm. Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ - Viện được trang bị tốt cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong công đoạn dệt thoi và dệt kim. - Viện có năng lực và thiết bị để nghiên cứu và đánh giá cho ngành dệt may và Nhà nước. Đào tạo - Viện có năng lực tổ chức đào tạo kỹ thuật và khoa học cho ngành dệt may. Cung cấp và phổ biến thông tin - Viện có một thư viện với nhiều sách báo, tạp chí để phục vụ cán bộ, học sinh sinh viên đại học.
ĐIỂM YẾU
Cán bộ

- Trình độ chuyên môn của cán bộ Viện không đồng đều và chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu cấp cao.
- Thiếu kỹ năng nghiên cứu và quản lý dự án.
- Cán bộ Viện chưa khai thác hết tiềm năng của máy móc hiện có.
- Cán bộ Viện thiếu kỹ năng quản lý chu trình sản xuất
- Thiếu kỹ năng marketing sản phẩm

Thí nghiệm

- Các thiết bị thí nghiệm chưa đủ để có thể thực hiện các thí nghiệm sinh thái.

Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ

- Các thiết bị nghiên cứu chưa hoàn toàn đáp ứng hết các yêu cầu của ngành, đặc biệt đối với công đoạn nhuộm và hoàn thiện sản phẩm.
- Viện còn nhiều yếu kém trong quá trình điều chỉnh hoạt động để đáp ứng yêu cầu của ngành dệt may chẳng hạn như trong công tác nghiên cứu xác định kích cỡ và đo kích thước cơ thể.
- Viện chưa có các dự án hợp tác nghiên cứu với các trường đại học.
- Thiếu thiết bị và cơ sở hạ tầng phù hợp cho đào tạo.
- Đào tạo thiếu hài hòa với công tác nghiên cứu quốc tế và công nghệ tiên tiến.

Phổ biến thông tin

- Là một bộ phận của VINATEX, Viện không có các mối quan hệ trực tiếp với các công ty may mặc tư nhân ngoài các công ty thuộc Tập đoàn VINATEX.
- Chưa có chiến lược marketing phù hợp trên phạm vi quốc gia và quốc tế để giới thiệu về kỹ năng và các dịch vụ mà Viện đang có.
- Các mối quan hệ hợp tác giữa Viện và Phân viện dệt may với các cơ sở giáo dục trong lĩnh vực dệt may còn nhiều yếu kém và không chính thức.

CƠ HỘI

- Với một khoản đầu tư bổ sung tương đối nhỏ, Viện có thể trở thành một đơn vị dẫn đầu về công tác nghiên cứu và đào tạo cho toàn ngành dệt may và không chỉ vì lợi ích của Chính phủ bởi vì Viện phải trở thành một đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về hoạt động, không phụ thuộc Chính phủ.
- Chỉ cần được sửa chữa nhỏ, phòng thí nghiệm của Viện có thể trở thành một phòng thí nghiệm tốt nhất cho toàn ngành dệt may.

NGUY CƠ

- Viện có thể phải chuyển các hoạt động chính là nghiên cứu sang sản xuất trong giai đoạn quá độ để trở thành đơn vị hạch toán độc lập.
- Vai trò của Việtn có thể bị thay đổi khi nó trở thành đơn vị hạch toán độc lập.
- Cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ khác.
- Cạnh tranh với các dịch vụ thí nghiệm tư nhân.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm có thể bị hạn chế do phải phụ thuộc một số công ty tư nhân cung cấp các thiết bị thí nghiệm cơ bản .
- Sự cạnh tranh của các công ty tư vấn trong lĩnh vực dệt may.
- Phải phụ thuộc VINATEX về tài chính và hoạt động.
- Sự cạnh tranh với Khoa dệt may - Đại học Bách khoa và các cơ sở khác trong đấu thầu thực hiện các dự án nghiên cứu.
- Các hoạt động sản xuất của Viện đưa nó vào thế cạnh tranh với các nhà sản xuất khác và do đó, tạo nên sự xung đột về lợi ích của Viện với tư cách là một đơn vị tư vấn nghiên cứu phát triển độc lập đối với ngành dệt may.

2.3 Các bài học của dự án giai đoạn I

Công tác đánh giá dự án VIE/00/008 được thực hiện trong tháng 5 năm 2004. Do đánh giá không chỉ ra được phạm vi tác động rộng hơn nên Chính phủ Bỉ yêu cầu phải thực hiện một cuộc đánh giá tác động khác. Sau khi Ban chỉ đạo dự án thông qua báo cáo cuối cùng của Dự án vào tháng 10 năm 2004, quyết định được đưa ra là cuộc đánh giá tác động dự án này là một phần của Nghiên cứu nhận diện cho Giai đoạn mở rộng này. Đợt đánh giá tác động kết hợp với Nhận diện này diễn ra từ ngày 12 đến ngày 29 tháng 9 năm 2005.

Đánh giá tác động này kết luận như sau:

- Dự án VIE/00/008 đã giúp Viện trở thành một nhà cung cấp dịch vụ cho ngành dệt may, đặc biệt trong lĩnh vực thí nghiệm.
- Tác động của Viện đối với công tác đào tạo của ngành vẫn còn hạn chế. Do dự án VIE/00/08 đã hỗ trợ Viện xác định rõ nhu cầu đào tạo của ngành nên có thể phát huy những tác động này một cách đáng kể nếu có đủ nguồn nhân lực.
- Viện đã giúp ngành tăng cường công tác kiểm tra chất lượng đối với nguyên vật liệu thô. Nhờ có đào tạo mà kỹ năng kiểm tra chất lượng sản phẩm của đội ngũ cán bộ của Viện được nâng cao và nhờ có các trang thiết bị mà phòng thí nghiệm của Viện có thể kiểm định chất lượng ở tất cả mọi công đoạn sản xuất. Đội ngũ nhân viên của Viện có thể hoàn toàn kiểm định được các nguyên liệu thô như bông, tơ tằm và sợi tổng hợp.
- Viện tác động tích cực đến quá trình chuyển giao công nghệ cho ngành dệt. Nhờ có trang thiết bị mới, công tác chuyển giao công nghệ có thể được tiến hành nhanh chóng trong ngành.
- Tác động của Viện đối với công tác đào tạo chính quy về dệt may còn hạn chế; Viện hầu như chưa phối hợp với các cán bộ đào tạo của ngành dệt may và chưa tập trung đầy đủ vào đội ngũ sinh viên trong ngành mà sẽ là các khách hàng tương lai.
- Viện tác động rất hạn chế trong việc phát triển sản xuất thân thiện với môi trường của ngành dệt may.

3. CHIẾN LƯỢC CAN THIỆP

Nghiên cứu nhận diện của Dự án đề xuất Giai đoạn hai nên tập trung vào việc nâng cấp thiết bị, nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ, tăng cường cung cấp dịch vụ và đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở giáo dục để trở thành một Viện tự quản có chất lượng cao.

Mục tiêu chung được đề đạt trong nghiên cứu nhận diện là: "tăng cường năng lực ngành dệt may để trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn có vai trò quan trọng trong xuất khẩu".

Mục tiêu cụ thể của dự án là: "Tăng cường năng lực Viện nghiên cứu dệt may và phân viện để cung cấp các dịch vụ cho ngành dệt may thông qua nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thí nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin"

Dựa vào bối cảnh chung, phân tích và đánh giá thể chế, đoàn hình thành dự án đã xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Dự án giai đoạn II là hoàn toàn phù hợp. Phần lớn các kết quả trung gian đã đề xuất đều được thông qua và các hoạt động phù hợp có liên quan được xác định. Chỉ có kết quả "tăng cường hợp tác giữa Viện với các cơ sở đào tạo để trang bị kỹ năng cho sinh viên và cán bộ kỹ thuật trước khi tham gia ngành dệt may" là bị loại bỏ vì cả Trường và Viện đều không quan tâm đến vấn đề này.

Kết quả mong đợi của dự án đã được xác định như sau:

1. Viện dệt may củng cố vị trí của mình là trung tâm đầu ngành về kiểm tra chất lượng hàng dệt may.
2. Viện dệt may là trung tâm đầu ngành về nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ
3. Viện dệt may là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo.
4. Viện dệt may là đơn vị hạch toán độc lập.

Trọng tâm của Giai đoạn I là cung cấp trang thiết bị và đào tạo. Giai đoạn II đề xuất đặc biệt hỗ trợ xây dựng Viện thành đơn vị hạch toán độc lập và đầu ngành về nghiên cứu và thử nghiệm. Bởi vậy, chiến lược dự án tập trung vào cải thiện các dịch vụ của Viện dệt may trong lĩnh vực thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo và phổ biến thông tin cho toàn ngành dệt may Việt Nam.

Ngoài việc cung cấp trang thiết bị và đào tạo phù hợp, dự án sẽ củng cố và cung cấp phương tiện thông tin cho thư viện, thành lập một trung tâm đào tạo chuyên ngành và tăng cường marketing để Viện trở thành đơn vị có tên tuổi trong nước và quốc tế.

4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của dự án là:
"Ngành dệt may được đẩy mạnh để trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đóng vai trò chủ chốt trong xuất khẩu."

4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của dự án là:
"Tăng cường năng lực cho Viện nghiên cứu dệt may để cung cấp các dịch vụ được cải thiện cho ngành dệt may thông qua nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, tập huấn và phổ biến thông tin."

4.3. Các bên liên quan và đối tượng hưởng lợi

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án là Viện nghiên cứu dệt may tại Hà Nội và phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đối tượng hưởng lợi gián tiếp là:

- Ngành dệt may bao gồm các công ty quốc doanh, bán quốc doanh và công ty tư nhân cùng với đội ngũ cán bộ của họ:
    - Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS) và các thành viên của Hội
    - Các công ty tư nhân trong ngành dệt may.
- Các cơ sở giáo dục hoạt động trong lĩnh vực dệt may như:
    - Đại học Bách khoa Hà Nội, Khoa Công nghệ Dệt may và Thiết kế Thời trang.
- Bộ Công nghiệp

4.4. Các kết quả

Để đạt được mục tiêu của Dự án, cần khẳng định các kết quả sau đây:

Kết quả 1: TRI củng cố được vị trí là trung tâm hàng đầu về thử nghiệm dệt may.
Kết quả 2: TRI là trung tâm hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển cũng như lĩnh vực chuyển giao công nghệ.
Kết quả 3: TRI là một trung tâm thông tin và là nhà cung cấp dịch vụ đào tạo cho ngành công nghiệp dệt may và cho các tổ chức đào tạo.
Kết quả 4: TRI là một tổ chức hạch toán độc lập.

4.5. Các kết quả và hoạt động

Đối với từng kết quả, các hoạt động sau đây đã được xác định. Khung Lôgíc ở Phụ lục 1 mô tả toàn bộ chi tiết.

Kết quả 1: TRI củng cố được vị trí là trung tâm hàng đầu về thử nghiệm dệt may

TRI và phân viện là một trung tâm thí nghiệm duy nhất có kinh nghiệm ở Việt Nam trong lĩnh vực thử nghiệm tính cơ lý, hóa và độ bền màu của nguyên liệu và sản phẩm dệt may. TRI có thể tiến hành các thử nghiệm này bởi vì Viện đã đầu tư hệ thống thiết bị thử nghiệm phù hợp và tiếp thu kiến thức về lĩnh vực này trong nhiều năm qua. Ngoài ra, TRI có khả năng thử nghiệm một vài chỉ số về môi trường và mức độ độc hại trong vải dệt. Đây là một trong những chỉ số liên quan đến yêu cầu sinh thái (các giá trị phải đo) được liệt kê trong bản danh mục tiêu chuẩn Eco-Tex Standard 100 và là tiêu chuẩn quốc tế đối với nhập khẩu.

Phòng thí nghiệm của TRI cũng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2000 "Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn". Tuy nhiên, TRI vẫn phải gửi một vài mẫu thí nghiệm cho các nhà thầu phụ để tiến hành từng thử nghiệm riêng biệt như thử hàm lượng kim loại dư, phân tích dư lượng thuốc trừ sâu, v.v...Việc này làm tốn thời gian và tiền bạc do đó, cần phải thực hiện các hoạt động sau đây:

Hoạt động 1.1: Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện nay của Viện bằng thiết bị mới và đào tạo để có thể tiến hành các thử nghiệm liên quan đến sinh thái dệt

Hiện tại, việc thử hàm lượng kim loại dư, phân tích dư lượng thuốc trừ sâu và chất gây dị ứng (các chất chiết xuất gốc nước) có trong vải dệt được giao cho các nhà thầu phụ. Các chỉ số này cũng là một phần của bản danh mục tiêu chuẩn Eco-Text Standard 100 về tất cả các thử nghiệm liên quan đến sinh thái dệt. Để làm mất khoảng cách này và giúp TRI có thể thực hiện toàn bộ các thử nghiệm liên quan đến sinh thái dệt thì cần phải cung cấp các thiết bị sau đây:

- GC/MS – Hệ thống sắc ký khí khối phổ;
- GC/ECD – Hệ thống sắc ký khí với đầu dò điện tử;
- GF-AAS – Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử có sử dụng lò granít.

Các thiết bị mới này sẽ giúp Viện nâng cấp phòng thí nghiệm và có thể kết hợp thực hiện các thử nghiệm liên quan đến môi trường trong hệ thống thử nghiệm (ví dụ phân tích nước thải và đất bằng phương pháp quang phổ hấp phụ nguyên tử dùng lò Graphit để xác định hàm lượng kim loại nặng và phương pháp sắc ký khí với đầu dò điện tử để xác định hàm lượng các hợp chất hữu cơ. Ngoài ra, các thiết bị này sẽ giúp Viện phát triển các phương pháp thí nghiệm riêng của mình đối với từng nhiệm vụ cụ thể.

Ngoài ra cần phải mua các thiết bị dùng kính hiển vi như kính hiển vi điện tử quét kết hợp với phổ tia X tán xạ năng lượng (SEM/EDX) để hoàn chỉnh trang thiết bị và cải thiện dịch vụ của phòng thí nghiệm. Hiện nay, Viện chỉ có một kính hiển vi ánh sáng đơn giản với độ phóng đại hạn chế và không có khả năng xử lý ảnh kỹ thuật số, in và lưu trữ ảnh. Một thiết bị SEM/EDX có độ phóng đại lớn sẽ giúp Viện có thể tiến hành thử nghiệm các hiệu ứng và lỗi của sản phẩm trong quá trình sản xuất và nghiên cứu bậc cao về hình thái sợi và vi sợi.

Do tính phức tạp của quá trình chuẩn bị mẫu và thử nghiệm nên đào tạo nâng cao về sử dụng thiết bị mới sẽ được cung cấp.

Bước tiếp theo đó là Viện có thể sẽ trở thành một trung tâm thí nghiệm được cấp phép bởi Hiệp hội Dệt may Öko của Thụy Sĩ. Tổ chức tư nhân này đã thiết lập nên danh mục các thông số thử nghiệm và các quy trình thử nghiệm riêng của họ. Để biết thêm thông tin liên quan đến việc xin cấp phép cần liên hệ với cơ quan cao nhất là Ban thư ký Hiệp hội Dệt may Öko (trang web: www.oeko-tex.com). Đây là một tổ chức tư nhân có quyền cấp phép cho các phòng thí nghiệm dựa trên nhu cầu của thị trường.

Hoạt động 1.2: Hỗ trợ xây dựng các phương pháp tiêu chuẩn về thử nghiệm

Ngoài việc tiến hành thử nghiệm theo các tiêu chuẩn về sinh thái, Viện có thể phát triển các phương pháp thử nghiệm chuẩn riêng của Viện dựa trên hệ thống tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Tiếp đó Viện sẽ có thể tiến hành thử nghiệm các thông số cụ thể trong khuôn khổ các dự án nghiên cứu và để phục vụ cho hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu là cải thiện và tối ưu hóa các quy trình sản xuất đồng thời phát triển các sản phẩm mới. Thông thường, để tạo thêm các đặc tính cải tiến và sáng tạo của sản phẩm mới không thể dựa vào các quy trình thử nghiệm cố hữu mà cần phải áp dụng các phương pháp mới hoàn toàn để phù hợp với yêu cầu.

Để tăng cường năng lực cán bộ của Viện nhằm triển khai các phương pháp thử nghiệm mới dựa trên hệ thống tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 thì cần phải tổ chức đào tạo lại cán bộ của Viện về quản lý chất lượng phòng thí nghiệm (ISO/IEC 17025:2005) đồng thời đào tạo về thử nghiệm liên quan đến sinh thái theo các tiêu chuẩn của Châu Âu và triển khai các quy trình thử nghiệm riêng của Viện.

Hoạt động 1.3: Xây dựng một phòng thí nghiệm phù hợp với điều kiện thử nghiệm chuẩn

Để đáp ứng tất cả các yêu cầu về thử nghiệm đạt tiêu chuẩn, phòng thí nghiệm hiện nay chưa phù hợp với khí hậu sẽ được nâng cấp với hệ thống điều hòa và một số đồ dùng để phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới. Để đạt tiêu chuẩn thử nghiệm thì nhiệt độ phòng phải là 23°C và độ ẩm 65% (để thử về độ bền màu) hoặc 20°C nhiệt độ phòng và 50% độ ẩm (để thử tính cháy).

Kết quả 2: Viện nghiên cứu dệt may là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ

Trong giai đoạn I, Viện đã được tăng cường năng lực trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển nhờ được cung cấp thiết bị nghiên cứu hiện đại máy dệt thoi và máy dệt kim dọc (máy dệt kiếm Pinacol và máy dệt kim Karl Mayer) kèm theo các khóa đào tạo phù hợp. Tuy nhiên, thiết bị nghiên cứu và kết quả nghiên cứu của Viện chưa hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu của ngành.

Năng lực của Viện trong lĩnh vực dệt cần được tăng cường hơn nữa bằng Hệ thống thiết bị mắc - hồ - dệt mẫu vải cho các cơ sở nghiên cứu. Phân xưởng sợi cũng sẽ được cung cấp thêm máy đánh ống để tăng cường nghiên cứu về lĩnh vực cụ thể này.

Phòng thí nghiệm nhuộm và xử lý hoàn tất của Viện hiện nay được trang bị khá nghèo nàn và do đó, cần được cung cấp thêm Hệ thống pha chế, cấp thuốc nhuộm tự động; Máy nhuộm thực nghiệm đa chức năng (vải, sợi,…).

Nhờ được cung cấp thêm trang thiết bị, Viện sẽ có thể thực hiện các công trình nghiên cứu để phát triển công nghệ, kỹ thuật xử lý tối ưu và hiệu quả chi phí; tiến hành các cuộc thử nghiệm kiểm tra chất lượng và thông số sản phẩm; đánh giá/ thông qua các quy trình dệt may; và chuyển giao công nghệ trực tiếp trong ngành. Một công trình nghiên cứu ứng dụng ưu việt về các lĩnh vực này là rất cần thiết để giúp ngành dệt may khắc phục những mặt yếu kém chính mà nó đang phải đối mặt như năng suất thấp, thành phẩm may mặc kém chất lượng. Công trình nghiên cứu này là một nhiệm vụ quan trọng đối với Viện với tư cách là một viện nghiên cứu độc lập.

Hoạt động 2.1: Mua thiết bị thử nghiệm kích thước nhỏ cho công tác nghiên cứu và phát triển công nghệ (nhuộm/hoàn tất, hồ sợi và đánh ống), phát triển sản phẩm và đào tạo

Việc nâng cấp các xưởng dệt và sợi bằng cách trang bị thêm máy hồ sợi và máy đánh ống sẽ góp phần tối ưu hóa điều kiện cơ sở nghiên cứu của Viện. Do đó, dự án sẽ cung cấp các máy móc, thiết bị sau đây:

- Máy hồ sợi đơn;
- Một máy mắc sợi;
- Một máy dệt mẫu;
- 2 bộ dây go máy dệt Jacquard;
- Một máy đánh ống.

Tất cả các máy móc, thiết bị nói trên là một phần của công tác cải tiến công nghệ của dây chuyền sản xuất để tạo ra thành phẩm dệt may có chất lượng cao hơn.

Cần có máy hồ sợi đơn do phương pháp hồ và đơn hồ có ảnh hưởng lớn đến công đoạn dệt cũng như công đoạn nhuộm và hoàn tất vải.

Nhờ được trang bị một máy dệt mẫu và hai bộ dây go máy dệt Jacquard, Viện sẽ có thể tiến hành các công trình nghiên cứu và phát triển về hệ thống mẫu vải hiện có và phát triển sản phẩm. Việc sử dụng các thiết bị giúp tiết kiệm nguyên liệu và nguồn lực (năng lượng, nước, v.v...) bởi vì các máy này nhỏ hơn so với các dây chuyền sản xuất thông thường. Ngoài ra, cần có máy mắc để chuẩn bị các trục dệt cho máy dệt mẫu. Xưởng kéo sợi sẽ được lắp đặt thêm máy đánh ống để tăng cường nghiên cứu về lĩnh vực này.

Chất lượng của công đoạn nhuộm và xử lý hoàn tất sản phẩm ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu về may mặc, do đó Viện còn phải tăng cường năng lực hơn nữa trong lĩnh vực này. Cần chú trọng các công đoạn tiền xử lý (giặt, tẩy trắng, làm bóng, v.v...), nhuộm và xử lý hoàn tất. Phòng nhuộm và xử lý hoàn tất của Viện hiện trang bị còn khá nghèo nàn, do đó cần được dự án trang bị thêm hệ thống pha chế, cấp thuốc nhuộm tự động; máy nhuộm thực nghiệm đa chức năng (vải, sợi,...). Việc cải tiến quy trình xử lý hoàn tất sản phẩm trong ngành dệt may có tác động trực tiếp đến mục tiêu sản xuất sạch hơn và do đó có tác động đến môi trường, an toàn lao động và các vấn đề về sức khỏe.

Hoạt động 2.2: Đào tạo nâng cao về kỹ thuật và quản lý chất lượng trong công đoạn dệt, nhuộm và xử lý hoàn tất.

Khi có thiết bị mới cần tiến hành đào tạo nâng cao về kỹ thuật, quản lý chất lượng trong công đoạn nhuộm và xử lý hoàn tất. Các khóa đào tạo này sẽ giúp tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ của Viện để họ có thể thực hiện một cuộc nghiên cứu trình độ cao, ví dụ như nghiên cứu về thời trang có liên quan tới vấn đề nhuộm và xử lý hoàn tất vật liệu dệt. Ngoài ra, một khóa đào tạo nâng cao về kỹ thuật hồ sợi và thiết kế mẫu hoa văn vải sẽ được thực hiện để tăng cường năng lực nghiên cứu của Viện trong các lĩnh vực này.

Để đạt được các mục đích này, cần thực hiện vừa đào tạo trong nước vừa đào tạo quốc tế. Đào tạo trong nước là khóa đào tạo nâng cao để tăng cường năng lực cán bộ của Viện để họ có thể sử dụng máy móc thiết bị một cách hiệu quả nhất trong công tác nghiên cứu và phát triển. Khóa đào tạo quốc tế sẽ giúp Viện cập nhật kiến thức đạt trình độ quốc tế và chuẩn bị nhân sự trở thành các tập huấn viên (đào tạo giảng viên) cho Việt Nam.

Hoạt động 2.3: Hỗ trợ xây dựng hệ thống cỡ số quần áo cho người Việt Nam qua đào tạo và cung cấp thiết bị

Do rất cần phải xây dựng một hệ thống cỡ số quần áo của người Việt Nam nên Viện có thể tiến hành một dự án nghiên cứu để phân tích và xây dựng các nhu cầu, yêu cầu về hệ thống cỡ số đó bằng cách sử dụng một thiết bị tự động đo kích thước cơ thể người do dự án cung cấp. Thiết bị này cho phép đo các kích cỡ, đánh giá thống kê và phân nhóm các số đo đó. Sự phức tạp của quy trình đo và số liệu thống kê tỉ mỉ đòi hỏi phải được tư vấn và đào tạo chuyên sâu. Một khi Viện đã tiến hành nghiên cứu để thiết lập một hệ thống cỡ số quần áo của người Việt Nam thì hệ thống đó sẽ phải hài hoà hoà với các hệ thống cỡ số của châu Á và quốc tế.

Ngoài ra, Viện có thể cung cấp các dịch vụ giác mẫu sơ đồ và nhảy cỡ (một thiết kế theo nhiều kích cỡ khác nhau), nhờ sử dụng hệ thống thiết kế mẫu Lectra và Netgraphics đã có kết hợp với thiết bị tự động đo kích cỡ cơ thể người sẽ được dự án mua mới. Một bước tiếp theo đó là Viện sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ để sản xuất quần áo theo yêu cầu của khách hàng mà đối với các doanh nghiệp đó vì việc mua các thiết bị này là quá đắt tiền.

Kết quả 3: Viện nghiên cứu dệt may là một trung tâm thông tin và đơn vị cung cấp đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở giáo dục.

Kết quả của quá trình nghiên cứu ứng dụng của Viện đó là nó sẽ chiếm một vị trí nổi bật trong việc đáp ứng nhu cầu của ngành trong tất cả các công đoạn (kéo sợi, dệt thoi, dệt kim đan dọc, nhuộm và xử lý hoàn tất, cắt và may) của dây chuyền sản xuất dệt may. Do đó, các cán bộ của Viện có cơ hội thấy và trực tiếp nhận biết được các nhu cầu của ngành (ví dụ các vấn đề về chất lượng, các câu hỏi liên quan đến quy trình sản xuất, các quy trình xử lý mới, v.v...) và có thể cung cấp thông tin mới nhất cũng như các hoạt động đào tạo phù hợp.

Viện sẽ cung cấp thông tin và đào tạo theo kiểu dịch vụ mua bán cho toàn bộ ngành dệt may. Viện có thể cung cấp các thông tin hữu ích, chẳng hạn như giấy phép độc quyền, các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, giấy chứng nhận và thông số thử nghiệm, các công nghệ mới nhất và thông tin về nghiên cứu.

Do một trong những khó khăn của ngành là sản xuất kém hiệu quả và chất lượng sản phẩm đạt thấp nên Viện cần chú trọng vào đào tạo về lĩnh vực quản lý công nghệ, công nghệ dệt may và thử nghiệm thông số sinh thái. Hiện tại, các dịch vụ đào tạo này vẫn chưa được đưa vào hoạt động của Viện.

Hoạt động 3.1: Xây dựng một phòng đào tạo

Đối với hoạt động này, dự án sẽ mua thiết bị để phục vụ lắp đặt một phòng đào tạo. Đào tạo chất lượng cao cho ngành, sinh viên cũng như cán bộ của Viện chỉ có thể tiến hành được trong điều kiện phù hợp và giảng viên có trình độ.

Hoạt động 3.2: Tổ chức đào tạo và hội thảo cho sinh viên, sinh viên sau đại học và kỹ thuật viên

Đào tạo giảng viên về lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến sinh thái, công nghệ và sản xuất dệt may cũng như quản lý công nghệ sẽ được thực hiện nhờ đó, Viện sẽ có thể cung cấp đào tạo cho toàn bộ ngành dệt may và các cơ sở giáo dục.

Việc tăng cường năng lực cán bộ của Viện trong lĩnh vực đào tạo sẽ giúp Viện phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học (ở Hà nội và Thành phố HCM) và các cơ sở đào tạo. Do đó, chất lượng giáo dục và đào tạo kỹ thuật của các cơ sở đó cũng sẽ được cải thiện.

Hoạt động 3.3: Cải thiện chất lượng thư viện thông qua phân tích yêu cầu về thư viện

Trên cơ sở các yêu cầu sẽ tiến hành mua sắm thêm tài liệu cho thư viện, chẳng hạn như các sách và tạp chí mới xuất bản. Thư viện của Viện cũng mua các sách về định mức tiêu chuẩn quốc tế về thử nghiệm dệt may cho ngành dệt may để ngành dệt may có thể mua lại ngay tại Việt Nam. Các sách về định mức tiêu chuẩn này phải mua của các nhà xuất bản trên thế giới.

Ngoài ra, việc phát triển hệ thống thư thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu trang web về các hoạt động của Viện (ví dụ các ấn bản và báo cáo nghiên cứu mới nhất) cũng là một phần của hoạt động thư viện. Để có thông tin mới nhất về các quy trình nghiên cứu và thử nghiệm tiêu chuẩn hóa đang diễn ra trên thế giới, cán bộ thư viện cần được đào tạo về sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc tế như FIZ-Technik, depatisnet, v.v....

Hoạt động 3.4: Thiết lập hệ thống thông tin qua mạng Internet

Hệ thống thông tin qua mạng Internet sẽ được thiết lập với sự giúp đỡ của một chuyên gia tư vấn. Hệ thống này giúp Viện cung cấp thông tin về các nghiên cứu trong nước và quốc tế, các kết quả thực hiện dự án của Viện, các ấn phẩm, báo cáo nghiên cứu và các bước phát triển thông qua mạng Internet và có các liên kết đến các trang web quan trọng khác và các cơ sở dữ liệu trang web. Ngoài ra, một trang web động sẽ được thiết lập để đưa tin về các hoạt động hội nghị, hội thảo mà Viện tổ chức hoặc tham gia. Đào tạo về lắp đặt, bảo trì và sử dụng hệ thống Internet/ trang web cho cán bộ của Viện cũng sẽ được thực hiện.

Kết quả 4: Viện nghiên cứu dệt may là một tổ chức tự hạch toán.

Viện sẽ triển khai các hoạt động tạo thêm thu nhập để có thể trở thành một tổ chức tự hạch toán độc lập, gồm các hoạt động sau đây:

Hoạt động 4.1: Xây dựng chiến lược marketing cho Viện

Viện cần có một chiến lược marketing rõ ràng để trở thành một cơ sở cung cấp dịch vụ có tiếng. Do đó, một chiến lược marketing phù hợp sẽ được xây dựng và thực hiện để quảng bá rộng rãi về hoạt động và năng lực của Viện.

Hoạt động 4.2: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ có thu phí cho ngành trong lĩnh vực thử nghiệm, cung cấp thông tin, đào tạo và tư vấn.

Viện chưa có một chiến lược rõ ràng về việc làm thế nào để trở thành một nhà cung cấp các dịch vụ có thu phí thực sự, do đó cần thuê một chuyên gia tư vấn để xây dựng chiến lược này. Một trong các việc phải làm là thiết kế các tài liệu quảng bá tuyên truyền, như tờ rơi, trang bài thông tin, thông tin mạng, các cuộc hội thảo, hội nghị tuyên truyền.

Viện có thể cung cấp các dịch vụ có thu phí sau đây:

- Thử nghiệm;
- Cung cấp dịch vụ dệt mẫu, nhuộm, xử lý hoàn tất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Cung cấp dịch vụ giác sơ đồ và nhảy cỡ (kích thước khác nhau của cùng một mẫu thiết kế), phối màu và cắt cho ngành dệt may, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Cung cấp thông tin cho ngành về công nghệ mới, sáng chế, các định mức và tiêu chuẩn quốc tế (thông qua mạng Internet), các thông số môi trường và các thông tin khác;
- Tổ chức đào tạo tại trụ sở của Viện về: thử nghiệm liên quan đến sinh thái, công nghệ dệt may, quản lý công nghệ và đánh giá nhu cầu của ngành;
- Tư vấn cho các công ty về tất cả các lĩnh vực kỹ thuật của dây chuyền sản xuất dệt may để làm hài hòa giữa máy móc mới và hệ thống máy móc hiện có;
- Tư vấn về phân tích nguồn lao động, hiệu quả quy trình sản xuất và quản lý chất lượng.

Hoạt động 4.3: Thiết lập mạng lưới đối tác và xây dựng quan hệ hợp tác

Ngoài việc tham gia vào các cuộc hội thảo, triển lãm trong nước và quốc tế, tổ chức hội thảo quốc tế, cán bộ của Viện cần được tăng cường các kỹ năng thiết lập mạng lưới đối tác để có được các dự án hợp tác với các đối tác có tiềm năng (công ty, trường đại học, các cơ sở giáo dục và đào tạo tư nhân), tăng cường hơn nữa hiệu quả nghiên cứu và đầu ra kết quả. Các kỹ năng này phải được học hỏi bằng cách thực hiện dự án nghiên cứu và quản lý dự án. Các bài báo và ấn phẩm quốc tế nói về danh tiếng và chất lượng cao của Viện cũng góp phần nâng cao danh tiếng của Viện trên phạm vi thế giới và thu hút các mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Hoạt động 4.4: Thăm quan nghiên cứu

Việc tổ chức một cuộc thăm quan các trung tâm nghiên cứu dệt may quan trọng nhất của Châu Âu sẽ góp phần nâng cao kiến thức về tổ chức hiệu quả một viện nghiên cứu, cho thấy nhiều cách khác nhau để trở thành đơn vị tự hạch toán tài chính và hiểu biết tổng quan về các hướng chuyên môn hóa, đặc biệt là ngành dệt may và lĩnh vực thử nghiệm dệt may.

4.6. Các chỉ số và phương tiện đánh giá

Các chỉ số được xây dựng cho mục tiêu cụ thể và các kết quả. Trong giai đoạn bắt đầu thực hiện, cần có đầy đủ dữ liệu cơ sở để có thể xác định được tiến độ thực hiện dự án. Viện nghiên cứu dệt may sẽ cung cấp dữ liệu này.

Các phương tiện đánh giá cho biết thông tin được thu thập ở đâu và bằng cách nào để có thể đánh giá mức độ đạt được mục tiêu cụ thể và các kết quả.

Về các chỉ số và phương tiện đánh giá, xem nội dung trong Khung Lôgíc (Phụ lục 1).

5. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT, RỦI RO VÀ GIẢ ĐỊNH, TÍNH BỀN VỮNG

5.1 Các điều kiện tiên quyết

Một điều kiện tiên quyết chung cho dự án đó là Viện cam kết trở thành một viện nghiên cứu phục vụ chung toàn bộ ngành dệt may kể cả các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và cổ phần hóa chứ không chỉ riêng cho Tập đoàn VINATEXT. Một điều kiện tiên quyết nữa đó là Chính phủ Việt Nam sẽ đóng góp cho dự án.

5.2 Các giả định và rủi ro

Các giả định và rủi ro được nêu trong khung lôgíc ở Phụ lục 1. Việc theo dõi các giả định và rủi ro sẽ giúp Ban chỉ đạo dự án điều chỉnh khung lôgíc cho phù hợp với kế hoạch và thời hạn đề ra.

Những rủi ro quan trọng nhất của dự án và các biện pháp quản lý rủi ro được trình bày trong bảng dưới đây. Cột đầu tiên là danh mục các rủi ro chung liên quan đến bối cảnh và nhiệm vụ của Viện. Cột thứ hai là những rủi ro cụ thể hơn liên quan đến hoạt động nghiên cứu và cung cấp dịch vụ của Viện.

Các rủi ro	Mức độ rủi ro	Các biện pháp giảm thiểu
Rủi ro chung		
Hiện nay, Viện chỉ cung cấp dịch vụ cho Bộ Công nghiệp và VINATEX chứ không phải cho toàn bộ ngành dệt may.	Trung bình	Các quy định của Chính phủ về tự quản sẽ được thực hiện trước năm 2009, do vậy Viện sẽ độc lập hơn, không còn phụ thuộc vào Bộ và VINATEXT.
Viện không có các điều kiện làm việc và mức lương hấp dẫn để thu hút và giữ chân các nhà nghiên cứu có năng lực.	Trung bình	Xem xét lại mức lương cán bộ. Đảm bảo danh tiếng tốt của Viện. Tạo môi trường làm việc tốt.
Viện với tư cách là đơn vị cung cấp thông tin và các dịch vụ nghiên cứu, đào tạo sẽ không còn nhận được sự quan tâm của ngành dệt may.	Thấp	Viện cung cấp dịch vụ có chất lượng cho ngành dệt may.
Ngành dệt may sẽ thực hiện các thử nghiệm ở nước ngoài chứ không ở Việt Nam.	Thấp	Viện cung cấp dịch vụ có chất lượng cho ngành dệt may với các mức giá cạnh tranh.
Ngành dệt may ở Việt Nam không còn quan tâm đến hệ thống phân cỡ của Việt Nam.	Thấp	Thị trường trong nước cần được phát triển hơn nữa.
Các rủi ro cụ thể		
Viện không thể đương đầu với sự cạnh tranh của các tổ chức tương tự.	Trung bình	Chính phủ cần hỗ trợ Viện trong thời kỳ quá độ của Viện.
Các tổ chức nghiên cứu dệt may tư nhân sẽ theo kịp và có thể tiếp quản một số hoạt động của Viện.	Trung bình	Được cập nhật thông tin về các tổ chức tương tự và cuối cùng là hợp tác với các tổ chức đó.
Cạnh tranh nghiên cứu với trường đại học trong trường hợp đấu thầu.	Thấp	Tập trung hơn nữa vào việc nghiên cứu công nghệ, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng.
Các trung tâm thông tin tư nhân bao gồm dệt may sẽ theo kịp và tiếp quản một số hoạt động của Viện.	Trung bình	Được cập nhật thông tin về các tổ chức tương tự. Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, mới nhất và có chất lượng.
Trung tâm đào tạo tư nhân sẽ tiếp quản các dịch vụ đào tạo vốn được thực hiện ở Viện.	Cao	Được cập nhật thông tin về các tổ chức tương tự. Tập trung vào các chủ đề đào tạo cụ thể. Không đào tạo những lĩnh vực mà Viện không có chuyên môn.

Các trung tâm/phòng thử nghiệm tư nhân sẽ tiếp quản các dịch vụ thử nghiệm vốn do Viện cung cấp.	Trung bình	Đúng thời hạn, nhanh hơn và tốt hơn các phòng thử nghiệm khác.
Viện chuyển đổi các hoạt động chính là nghiên cứu sang sản xuất.	Trung bình	Nhiệm vụ của Viện với tư cách là một viện nghiên cứu cần được khẳng định.

5.3 Tính bền vững

Mục tiêu của dự án là tiếp tục duy trì được các lợi ích đạt được sau khi dự án kết thúc. Trong bối cảnh dự án, cần thực hiện một số hoạt động để đảm bảo tính bền vững:

Tính bền vững về tổ chức
Sẽ sử dụng cơ cấu hiện nay của Viện để quản lý Dự án. Sẽ không thành lập ban quản lý dự án độc lập mà đội ngũ cán bộ hiện nay của Viện sẽ quản lý dự án, với sự hỗ trợ của BTC trong trường hợp cần thiết. Sự sắp xếp như vậy sẽ đảm bảo tính liên tục của các hoạt động sau khi dự án kết thúc và năng lực cán bộ của Viện sẽ được nâng cao để quản lý các dự án.

Bền vững về kỹ thuật
Ngoài cung cấp trang thiết bị, dự án sẽ tổ chức đào tạo nâng cao để sử dụng trang thiết bị mới. Viện có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị. Các buổi đào tạo sẽ chú trọng vào nội dung bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị mới được dự án cung cấp. Về lâu dài, thông qua các hoạt động đào tạo này Viện có thể xây dựng một cơ chế thu hồi chi phí hay đầu tư thay mới trang thiết bị.

Bền vững tài chính
Dự án nhằm hỗ trợ Viện trở thành một viện nghiên cứu tự hạch toán chi phí, cung cấp dịch vụ và các hoạt động nghiên cứu có chất lượng. Để đảm bảo sự bền vững về tài chính cho các hoạt động của mình và để tiếp tục tồn tại trong một môi trường cạnh tranh ngày càng cao thì Viện cần phải tạo thêm thu nhập từ các hoạt động cung cấp dịch vụ cho ngành may mặc. Chính vì vậy, dự án tập trung tăng cường chất lượng và số lượng các dịch vụ bằng cách cung cấp thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất và đào tạo nâng cao. Ngoài ra, dự án còn giúp Viện xây dựng một chiến lược marketing để trở thành một Viện có danh tiếng trong ngành.

Trở thành một viện có khả năng hạch toán độc lập về tài chính là một thách thức lớn đối với Viện, do đó Viện cần được hỗ trợ của Bộ Công nghiệp trong giai đoạn chuyển đổi này.

6. NGUỒN NGÂN SÁCH

Dự án có tổng ngân sách 1.220.000 EURO, trong đó phía Việt Nam đóng góp 220.000 EURO và phía Bỉ đóng góp 1 triệu EURO.

TRI sẽ chịu các chi phí trả lương cho cán bộ Việt Nam tham gia dự án, cung cấp hạ tầng văn phòng làm việc và các chi phí vận hành, bảo dưỡng văn phòng và trang thiết bị.

TỔNG NGÂN SÁCH DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH CHI TIÊU

			TỔNG NGÂN SÁCH			Tổng chi phí dự án	Bỉ	Việt Nam		Năm1 (Q1-Q4)	Năm2 (Q5-Q8)	Năm3 (Q9-Q12)
A			**Tăng cường năng lực cho Viện Dệt May để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam thông qua việc nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thí nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin**			1.115.500	895.500	220.000				
A	*01*		***Viện Dệt May khẳng định vị trí của mình là trung tâm hàng đầu về kiểm tra chất lượng hàng dệt may***			450.000	420.000	30.000		427.500	22.500	
A	01	01	Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện tại của Viện Dệt May với các thiết bị mới để thực hiện các phép thử liên quan đến sinh thái, cung cấp các khoá đào tạo có liên quan			327.500	327.500			327.500		
A	01	02	Hỗ trợ để phát triển các phương pháp thử tiêu chuẩn			22.500	22.500				22.500	
A	01	03	Thiết lập phòng thí nghiệm đạt môi trường thử nghiệm chuẩn			100.000	70.000	30.000		100.000		
A	*02*		*Viện Dệt May là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ*			565.500	395.500	170.000		185.000	380.500	
A	02	01	Mua các thiết bị thực nghiệm qui mô nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển công nghệ (nhuộm/xử lý hoàn tất, mắc, hồ và đánh ống), các sản phẩm và các dịch vụ đào tạo liên quan			325.000	155.000	170.000			325.000	
A	02	02	Đào tạo thêm về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất			55.500	55.500				55.500	
A	02	03	Hỗ trợ việc thiết lập hệ thống cỡ số may mặc cho người Việt Nam bằng đào tạo và thiết bị			185.000	185.000			185.000		
A	*03*		*Viện Dệt May là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo*			48.000	28.000	20.000		13.000	20.000	15.000
A	03	01	Thiết lập phòng đào tạo			13.000	10.000	3.000			13.000	
A	03	02	Tổ chức đào tạo và hội thảo cho sinh viên, nghiên cứu sinh và cán bộ kỹ thuật			15.000		15.000				15.000
A	03	03	Nâng cấp chất lượng thư viện thông qua phân tích các yêu cầu về thư viện			13.000	11.000	2.000		6.000	7.000	
A	03	04	Thiết lập hệ thống thông tin qua internet			7.000	7.000			7.000		
A	*04*		***Viện Dệt May là đơn vị hạch toán độc lập***			52.000	52.000			3.000	43.000	6.000
A	04	01	Xây dựng chiến lược marketing cho Viện			1.000	1.000				1.000	
A	04	02	Trở thành nhà cung cấp dịch vụ được trả tiền trong lĩnh vực thí nghiệm dệt may			6.000	6.000				6.000	
A	04	03	Tăng cường kỹ năng phối hợp			15.000	15.000			3.000	6.000	6.000
A	04	04	Tổ chức tham quan học tập			30.000	30.000				30.000	
Y			**Dự phòng (tối đa 5% tổng hoạt động)**			44.500	44.500			4.500	20.000	20.000
Y	01		Dự phòng			44.500				4.500	20.000	20.000
Z			**Quản lý chung**			60.000	60.000			9.000	25.000	26.000
Z	01		Theo dõi			5.000	5.000			1.000	2.000	2.000
Z	02		Kiểm toán, theo dõi và đánh giá			55.000	55.000			8.000	23.000	24.000
TỔNG SỐ						1.220.000	1.000.000	220.000		642.000	511.000	67.000

NGÂN SÁCH CỦA BỈ THEO HÌNH THỨC QUẢN LÝ VÀ KẾ HOẠCH CHI TIÊU

TỔNG NGÂN SÁCH				Bỉ	Phương thức	Năm 1	Năm 2	Năm 3
A			**Tăng cường năng lực cho Viện Dệt May để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam thông qua việc nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thí nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin**	895.500	Đồng qlý			
A	01		***Viện Dệt May khẳng định vị trí của mình là trung tâm hàng đầu về kiểm tra chất lượng hàng dệt may***	420.000	Đồng qlý	397.500	22.500	
A	01	01	Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện tại của Viện với các thiết bị mới để thực hiện các phép thử liên quan đến sinh thái, cung cấp các khoá đào tạo có liên quan	327.500	Đồng qlý	327.500		
A	01	02	Hỗ trợ để phát triển các phương pháp thử tiêu chuẩn	22.500	Đồng qlý		22.500	
A	01	03	Thiết lập phòng thí nghiệm phù hợp với môi trường	70.000	Đồng qlý	70.000		
A	02		*Viện Dệt May là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ*	395.500	Đồng qlý	185.000	210.500	
A	02	01	Mua các thiết bị thực nghiệm qui mô nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển công nghệ (nhuộm/xử lý hoàn tất, mắc, hồ và đánh ống), các sản phẩm và các dịch vụ đào tạo liên quan	155.000	Đồng qlý		155.000	
A	02	02	Đào tạo thêm về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất	55.000	Đồng qlý		55.000	
A	02	03	Hỗ trợ việc thiết lập hệ thống cỡ số may mặc cho người Việt Nam bằng đào tạo và thiết bị	185.000	Đồng qý	185.000		
A	03		*Viện Dệt May là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo*	28.000	Đồng qlý	13.000	15.000	
A	03	01	Thiết lập phòng đào tạo	10.000	Đồng qý		10.000	
A	03	02	Tổ chức đào tạo và hội thảo cho sinh viên, nghiên cứu sinh và cán bộ kỹ thuật		Đồng qlý			
A	03	03	Nâng cấp chất lượng thư viện thông qua phân tích các yêu cầu đối với thư viện	11.000	Đồng qlý	6.000	5.000	
A	03	04	Thiết lập hệ thống thông tin qua internet	7.000	Đồng q lý	7.000		
A	04		***Viện Dệt May là đơn vị hạch toán độc lập***		Đồng qlý			
A	04	01	Xây dựng chiến lược marketing cho Viện	1.000	Đồng q lý		1.000	
A	04	02	Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ có thu phí trong lĩnh vực thí nghiệm dệt may	6.000	Đồng qlý		6.000	
A	04	03	Tăng cường kỹ năng tìm đối tác	15.000	Đồng qlý	3.000	6.000	6.000
A	04	04	Tổ chức tham quan học tập	30.000	Đồng qlý		30.000	
Y			**Dự phòng (tối đa 5% tổng số các hoạt động)**	44.500	Đồng qlý	4.500	20.000	20.000
Z			**Quản lý chung**	60.000	Tự q. lý	9.000	25.000	26.000
Z	01		Theo dõi	5.000	Tự q. lý	1.000	2.000	2.000
Z	02		Kiểm toán, theo dõi và đánh giá	55.000	Tự q. lý	8.000	23.000	24.000
TỔNG CỘNG				1.000.000		612.000	336.000	52.000

7. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

7.1. Phương thức quản lý

"Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ (tháng 6/2005)" đã được cân nhắc đến khi xây dựng cơ cấu quản lý dự án. Các qui định có liên quan là:

- Các nhà tài trợ áp dụng hệ thống quy trình thủ tục của nước sở tại ở mức cao nhất. Trong trường hợp không thể áp dụng được, các nhà tài trợ đề ra các quy định và biện pháp an toàn khác để củng cố hệ thống quy trình thủ tục của nước sở tại.
- Các nhà tài trợ không được tạo ra các cơ cấu song trùng trực thuộc để quản lý và thực hiện các dự án tài trợ.
- Các nhà tài trợ từng bước xóa bỏ trợ cấp lương cho cán bộ nhà nước tham gia các chương trình/dự án tài trợ và trong tương lai không trợ cấp lương cho các chương trình sau này.

Cơ cấu dự án gồm Ban chỉ đạo và Ban quản lý dự án.

Phía Việt Nam chỉ định Bộ Công nghiệp (Bộ CN) là cơ quan chịu trách nhiệm phần đóng góp của phía Việt Nam cho dự án.

Phía Bỉ chỉ định Tổng vụ Hợp tác Phát triển (DGDC), đại diện là Tham tán hợp tác phát triển tại Hà Nội chịu trách nhiệm phần đóng góp phía Bỉ.

Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ (BTC), do Trưởng Đại diện thường trú tại Hà Nội, chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi dự án.

Bộ Công nghiệp (Bộ CN) chỉ định Viện trưởng Viện nghiên cứu dệt may là giám đốc dự án. Ban quản lý dự án sẽ hoàn toàn nằm trong cơ cấu của Viện. Viện nghiên cứu dệt may sẽ cử và uỷ nhiệm nhân viên của mình vào các hợp phần của dự án.

Tất cả các hoạt động của dự án đều được đồng quản lý trừ các hoạt động như kiểm toán, giám sát và đánh giá.

7.2. Cơ cấu thực hiện

7.2.1. Ban chỉ đạo dự án

Trách nhiệm

Ban Chỉ đạo dự án (BCĐDA) là cấp quản lý cao nhất của dự án. BCĐDA có trách nhiệm đưa ra những định hướng chiến lược cần thiết cho tất cả những đối tượng tham gia dự án và bảo đảm rằng các mục tiêu của dự án sẽ đạt được theo đúng tiến độ thời gian. BCĐDA có vai trò thanh tra về tổ chức, kỹ thuật và kiểm toán tài chính đối với dự án. Các đại diện của các bên tham gia chính là thành viên của BCĐDA.

BCĐDA có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Chỉ đạo chung trong việc thực hiện dự án;
- Đánh giá tiến độ thực hiện dự án và kết quả đạt được mục tiêu cụ thể của dự án;
- Phê duyệt kế hoạch hoạt động và tài chính và báo cáo tiến độ do ban quản lý dự án soạn thảo;
- Phê duyệt giải ngân và sử dụng ngân sách của dự án dựa vào Kế hoạch Hoạt động sáu tháng được phân bổ ngân sách của BQLDA đệ trình;
- Nếu cần thiết, phê duyệt các điều chỉnh kết quả, hoạt động và các dòng ngân sách của dự án với điều kiện là những sửa đổi đó không làm thay đổi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cũng như tổng ngân sách của dự án;
- Trình Chính phủ hai nước phê duyệt những thay đổi về thời hạn của Hiệp định cụ thể của dự án, thay đổi mục tiêu cụ thể, thời hạn hiệu lực của Hiệp định cụ thể và tổng ngân sách của dự án;
- Quyết định về phạm vi và đề cương tham chiếu cho các đoàn đánh giá dự án cũng như thẩm định các khuyến nghị;
- Bảo đảm hàng năm phải tiến hành kiểm toán độc lập do công ty kiểm toán được công nhận thực hiện và thẩm định các phát hiện;
- Phê duyệt báo cáo cuối cùng và kết thúc dự án;

Thành phần

Do trách nhiệm ra quyết định có tính chiến lược nên thành viên BCĐDA chỉ giới hạn như sau:

Phía Việt Nam:

- Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đại diện Bộ Tài chính;
- Đại diện Bộ Công nghiệp;
- Đại diện VITAS.

Phía Bỉ:

- Trưởng Đại diện thường trú Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ hay người được uỷ quyền.

BCĐDA có thể mời cán bộ nguồn có năng lực với tư cách là quan sát viên.

BQLDA sẽ đóng vai trò là thư ký của BCĐDA.

Phương thức hoạt động

Sau khi dự án bắt đầu 3 đến 4 tháng, BCĐDA sẽ tổ chức cuộc họp khởi động. Tiếp đó, BCĐDA sẽ họp 6 tháng một lần. Buổi họp BCĐDA cuối cùng sẽ vào thời điểm trước khi dự án kết thúc 3 tháng; Báo cáo cuối cùng sẽ được trình bày để phê duyệt tại buổi họp này.

Ngoài ra BCĐDA có thể triệu tập họp bất thường theo yêu cầu của thành viên BCĐ do nhu cầu của tình hình cụ thể.

Trong khuôn khổ của Hiệp định cụ thể của dự án, BCĐDA có thể đưa ra các nguyên tắc nội bộ và đưa ra quyết định theo nguyên tắc tất cả các bên cùng thống nhất.

Ban quản lý dự án có vai trò thư ký cho Ban chỉ đạo. Giám đốc Dự án sẽ đề xuất chương trình họp của BCĐDA và trình bày báo cáo, kế hoạch hoạt động đã được phân bổ ngân sách để phê

duyệt. Báo cáo tài chính phải thể hiện đầy đủ chi tiết tình hình sử dụng các khoản ngân quỹ của dự án từ tất cả các nguồn.

Cơ chế phê duyệt các thay đổi trong Hồ sơ KT & TC

Tất cả những thay đổi so với hồ sơ KT & TC ban đầu phải được trình BCĐDA để phê duyệt.

Trừ mục tiêu cụ thể của Dự án, thời hạn hiệu lực của Hiệp định cụ thể và tổng ngân sách của dự án thì BCĐDA có quyền điều chỉnh hồ sơ KT&TC cho phù hợp với bối cảnh dự án.

Những thay đổi về mục tiêu cụ thể, thời hạn có hiệu lực của Hiệp định cụ thể và tổng ngân sách của dự án phải được hai Chính phủ thông qua bằng trao đổi công hàm chính thức.

7.2.2. Ban quản lý dự án

Theo "tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ" để tránh tạo ra cơ cấu quản lý song trùng trực thuộc, dự án sẽ được thực hiện dưới sự quản lý của Viện nghiên cứu dệt may. Văn phòng đại diện BTC sẽ hỗ trợ và giám sát quản lý của Viện nghiên cứu dệt may khi cần thiết.

Bộ Công nghiệp chỉ định Viện trưởng Viện dệt may là giám đốc dự án. Viện dệt may sẽ cử và uỷ quyền nhân viên của mình vào các hợp phần của dự án.

Ban quản lý của Viện dệt may có trách nhiệm sau:

- Bảo đảm việc thực hiện đầy đủ các hoạt động hàng ngày của dự án;
- Chuẩn bị báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính theo mẫu của BTC để trình BCĐDA;
- Đề xuất khi phải điều chỉnh các kết quả và hoạt động của dự án với điều kiện những điều chỉnh đó không làm thay đổi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án cũng như tổng ngân sách dự án. Tuy nhiên, không được thay đổi các lựa chọn chiến lược và các quy tắc đã được xây dựng từ khi hình thành dự án.
- Chuẩn bị, cập nhật và đệ trình các kế hoạch hoạt động và ngân sách
- Bảo đảm thực hiện vai trò là thư ký của BCĐDA.
- Bảo đảm công tác quản lý tài chính và hành chính của dự án theo quy chế đã thống nhất.
- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các hoạt động gồm chuẩn bị báo cáo cuối cùng khi dự án kết thúc.

7.3 Cơ chế tài chính

Bất kể là nguồn vốn nào thì mọi đóng góp tài chính vào dự án cần phải được quản lý minh bạch và báo cáo theo nguyên tắc cùng hợp tác.

Việc giải ngân được BCĐDA phê duyệt trên cơ sở kế hoạch ngân sách hoạt động 6 tháng do BQLDA trình lên. Sáu tháng một lần, báo cáo tài chính về việc sử dụng các nguồn ngân sách sẽ do Giám đốc Dự án và Trưởng đại diện thường trú hoặc người được uỷ quyền ký và đệ trình lên BCĐDA phê duyệt. Tất cả các hợp đồng, hoá đơn và các khoản thanh toán được Giám đốc Dự án và Trưởng đại diện thường trú BTC hay người được uỷ quyền ký và phải được lưu giữ tại văn phòng Ban quản lý dự án để xác minh đối chiếu.

Vốn đóng góp của Bỉ

Một tài khoản riêng sẽ được mở tại một ngân hàng thương mại tại Hà Nội để tiếp nhận vốn đóng góp của Bỉ dưới hình thức đồng quản lý. Tài khoản này sẽ được BTC chuyển tiền vào theo yêu cầu của Giám đốc dự án và Trưởng đại diện thường trú BTC theo từng quý dựa vào báo cáo kế hoạch hoạt động sáu tháng được lên ngân sách do BQLDA đệ trình và BCĐDA phê duyệt. Tài khoản này sẽ hoạt động theo nguyên tắc đồng chữ ký của Giám đốc dự án và Trưởng đại diện thường trú BTC hay người được uỷ quyền.

BQLDA sẽ nộp báo cáo tài chính hàng tháng về giải ngân vốn đóng góp của Bỉ cho Trưởng Đại diện thường trú BTC nhằm mục đích giám sát theo mẫu đã thống nhất. Tất cả các hợp đồng, chứng từ và thanh toán phải được Giám đốc dự án và Trưởng Đại diện thường trú BTC ký duyệt.

Các chi phí cho kiểm toán và theo dõi và đánh giá sẽ do BTC trực tiếp quản lý.

Vốn đóng góp của Việt Nam

Chính phủ Việt Nam sẽ miễn tất cả các loại thuế đối với hàng hoá, dịch vụ và thiết bị được mua cho dự án.

Đóng góp của Việt Nam sẽ do Bộ Công nghiệp điều chuyển kịp thời. Viện nghiên cứu dệt may sẽ chịu trách nhiệm chi trả lương cho cán bộ tham gia vào dự án, cung cấp cơ sở hạ tầng thích hợp và chi trả các chi phí hoạt động và duy trì văn phòng cũng như trang thiết bị cho văn phòng.

Bộ Công nghiệp sẽ xác nhận tổng chi phí theo các quy định của Việt Nam trước khi dự án kết thúc.

7.4. Khung pháp lý

7.4.1. Tuyển nhân viên

Cán bộ hiện nay của Viện và văn phòng đại diện BTC sẽ thực hiện dự án. Dự kiến sẽ không tuyển thêm cán bộ dài hạn vào dự án.

Chuyên gia tư vấn ngắn hạn sẽ được BQLDA tuyển dựa theo điều khoản tham chiếu và theo Luật đấu thầu Việt Nam (số 61/2005/QH11, 29/11/ 2005). Chi phí các dịch vụ này được tính theo hướng dẫn của EU về chi phí địa phương trong các dự án hỗ trợ phát triển.

Nếu có nhu cầu tuyển thêm nhân viên trong nước thì Viện dệt may sẽ chịu trách nhiệm này.

7.4.2. Các nguyên tắc đấu thầu

Đối với việc mua sắm hàng hoá và dịch vụ của các dòng ngân sách đồng quản lý, BQLDA sẽ tiến hành đấu thầu theo Luật đấu thầu Việt Nam (Luật Số. 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005). Để có thể lựa chọn nhà thầu có năng lực nhất, đối với mỗi gói thầu, BQLDA sẽ phải lập bản phân tích tổng hợp tất cả các hồ sơ dự thầu đã nhận. Trên 67.000 euro, cần có tư vấn luật sư trong nước để hỗ trợ quá trình chọn thầu.

Viện trưởng Viện nghiên cứu dệt may và Trưởng Đại diện thường trú BTC hoặc người được uỷ quyền phải phê duyệt bản phân tích đấu thầu, hợp đồng, chứng từ và thanh toán.

Đối với các dòng ngân sách do BTC quản lý, cụ thể là các hoạt động kiểm toán, theo dõi và đánh giá, thì quy trình thủ tục sẽ phải thực hiện theo luật đấu thầu của Bỉ.

7.5. Theo dõi và đánh giá

Bảng dưới đây trình bày các yếu tố liên quan đến công tác theo dõi và đánh giá:

BÁO CÁO	TRÁCH NHIỆM	NỘI DUNG	NỘP ĐẾN
Báo cáo chi tiêu hàng tháng	BQLDA	Các báo cáo tài chính	BTC
Báo cáo năm	BQLDA	Tiến độ	BTC/BCĐDA
Kiểm toán năm	BQLDA	Kiểm toán tài chính	BTC/ BCĐDA
Báo cáo đánh giá giữa kỳ	BQLDA	Đánh giá giữa kỳ	BTC/BCĐDA
Báo cáo tiến độ/hoạt động 6 tháng	BQLDA	Tiến độ và kế hoạch các hoạt động	BCĐDA
Báo cáo cuối cùng	BQLDA	Tổng kết các hoạt động của dự án	BCĐDA, BTC và DGDC

Cơ sở dữ liệu ban đầu sẽ do Viện nghiên cứu dệt may cung cấp khi bắt đầu các hoạt động liên quan đến theo dõi và đánh giá.

Ban quản lý Viện nghiên cứu dệt may sẽ bảo đảm các báo cáo, kế hoạch và tài liệu được chuẩn bị theo đúng yêu cầu và mẫu của BTC. Hầu hết các báo cáo, kế hoạch và tài liệu đều được trình lên BCĐDA phê duyệt. Tất cả các báo cáo của BQLDA trình lên BCĐDA phải được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Báo cáo tiến độ sẽ được BQLDA chuẩn bị 6 tháng một lần và trình lên BCĐDA phê duyệt tại các phiên họp thường kỳ. Báo cáo phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- Báo cáo tiến độ kết quả đạt được của đầu ra và hoạt động trong từng lĩnh vực của dự án dựa theo hồ sơ KT&TC và kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt tại buổi họp BCĐDA trước đó. Cần phân tích các hạn chế và chậm trễ và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề đã được xác định.
- Trình bày báo cáo tài chính về việc sử dụng các nguồn vốn của Bỉ, Việt Nam và Quỹ đối ứng trong thời kỳ báo cáo.
- Trình bày kế hoạch hoạt động trong kỳ báo cáo tiếp theo và việc phân bổ tài chính.
- Bất kỳ vấn đề quan trọng nào khác cần được BCĐDA giải quyết.

Một đợt **đánh giá độc lập giữa kỳ** sẽ được thực hiện sau 18 tháng kể từ ngày bắt đầu dự án. Một chuyên gia tư vấn ngắn hạn bên ngoài sẽ được tuyển dụng để thực hiện nhiệm vụ này. Báo cáo sẽ được gửi cho các thành viên BCĐDA để đưa ra quyết định thích hợp đối với các kiến nghị đề xuất trong báo cáo.

Khi chuẩn bị kết thúc dự án, sẽ phải tiến hành một đợt **đánh giá độc lập cuối cùng**. Đoàn đánh giá sẽ thu thập các thông tin cần thiết qua tiếp xúc trực tiếp với những bên thực hiện dự án và người hưởng lợi, qua tổng hợp các tài liệu dự án và phân tích sâu dựa trên các bảng hỏi. BQLDA có nhiệm vụ hỗ trợ đoàn đánh giá này.

7.6. Kết thúc dự án

Một đợt đánh giá cuối cùng sẽ phải thực hiện trước khi dự án sắp kết thúc như đã thảo luận ở trên (xem mục 7.5).

BQLDA chịu trách nhiệm dự thảo Báo cáo cuối cùng. Báo cáo cuối cùng phải được trình các thành viên BCĐDA tại buổi họp cuối cùng của BCĐDA để phê duyệt. Báo cáo phải tổng hợp các hoạt động đã thực hiện và gồm báo cáo điều tra tình hình và lấy ý kiến của một số người hưởng lợi đại diện liên quan tới tác động của dự án.

BCĐDA chịu trách nhiệm đưa ra khuyến nghị và phê duyệt việc đóng các tài khoản. Buổi họp BCĐDA cuối cùng phải đưa ra quyết định về nơi tiếp nhận tất cả các trang thiết bị của dự án, và phần tài chính còn lại nếu có.

8. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KHUNG LÔ-GÍCH DỰ ÁN

Khung lô-gích dự án

Mục tiêu tổng thể: Tăng cường năng lực cho ngành công nghiệp dệt may trở thành một ngành công nghiệp mũi nhọn có vai trò quan trọng trong xuất khẩu.

MỤC TIÊU CỤ THỂ		CÁC CHỈ SỐ	NGUỒN THẨM ĐỊNH	NHỮNG RỦI RO VÀ GIẢ ĐỊNH
Tăng cường năng lực cho Viện để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam thông qua nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thí nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin		- Tăng số lượng các dự án nghiên cứu & phát triển và ngân sách các dự án đó. - Tăng doanh thu cho Viện qua cung cấp dịch vụ (nghiên cứu, thông tin, đào tạo, tư vấn) - Viện được nhiều người biết đến và được đánh giá cao trong ngành công nghiệp dệt may ở Việt Nam	Điều tra, báo cáo năm của Viện	Viện có thể tạo ra đủ doanh thu để tự trang trải kinh phí hoạt động
tt	**CÁC KẾT QUẢ**	**CÁC CHỈ SỐ**	**NGUỒN THẨM ĐỊNH**	**NHỮNG RỦI RO VÀ GIẢ ĐỊNH**
1	Viện củng cố vị trí của mình là trung tâm hàng đầu về kiểm tra chất lượng hàng dệt may	- Thử nghiệm tăng 10% sau 3 năm - Số lượng các phương pháp thử nghiệm tăng sau 3 năm.	Báo cáo	Thực hiện dịch vụ thí nghiệm tại Việt Nam thay vì phải gửi mẫu ra nước ngoài
2	Viện là trung tâm hang đầu về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ	- Tăng số lượng hoạt động tư vấn về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ cho ngành - Tăng số dự án nghiên cứu và phát triển - Tăng số lượng các ấn phẩm nghiên cứu trong nước và quốc tế - Hệ thống cỡ số chuẩn Việt Nam, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế	Báo cáo	- Viện được thông báo về nhu cầu và các dự án nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực dệt may - Ngành công nghiệp dệt may địa phương cung cấp hàng cho thị trường nội địa - Cán bộ sau khi được đào tạo vẫn ở lại Viện làm việc
3	Viện là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo	- Tăng số lượng các khóa đào tạo do Viện tổ chức - Tăng các chủ đề đào tạo - Tăng lượng sách, báo, tạp chí và các thông tin từ internet - Tăng số lượng các yêu cầu gửi đến Viện về các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế - Tăng số người truy cập website của Viện	Báo cáo	- Viện được thông báo về nhu cầu và các dự án đào tạo, phổ biến thông tin cho ngành dệt may - Cán bộ sau khi được đào tạo vẫn ở lại Viện làm việc
4	Viện là tổ chức hạch toán độc lập	- Sau 3 năm, tăng thu nhập của Viện bằng các dịch vụ thí nghiệm - Sau 3 năm, tăng doanh thu của Viện bằng dịch vụ nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ - Sau 3 năm, tăng doanh thu của Viện bằng dịch vụ đào tạo và cung cấp thông tin	Báo cáo tài chính	- Trình độ làm việc đạt chất lượng cao - Cán bộ sau khi được đào tạo vẫn ở lại Viện

TT	HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG KẾT QUẢ	PHƯƠNG TIỆN	CHI PHÍ
1. Viện Dệt May củng cố vị trí của mình là trung tâm hàng đầu về kiểm tra chất lượng hàng dệt may			
1.1	Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện tại của Viện với các thiết bị mới để thực hiện các phép thử liên quan đến sinh thái, cung cấp các khoá đào tạo có liên quan	- Hệ thống sắc ký khí khối phổ (GC-MS), 2 tuần đào tạo	80.000 EUR
		- Hệ thống sắc ký khí với đầu dò điện tử (GC/ECD), 2 tuần đào tạo	45.000 EUR
		- Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử có sử dụng lò granít (GF-AAS) để phân tích kim loại, 1 tuần đào tạo	70.000 EUR
		- Kính hiển vi điện tử quét kết hợp với phổ tia X tán xạ năng lượng (SEM/EDX)	120.000 EUR
		- Đào tạo cụ thể về SEM/EDX	12.500 EUR
1.2	Hỗ trợ để phát triển các phương pháp thử tiêu chuẩn	- Đào tạo tăng cường về quản lý chất lượng phòng thí nghiệm (ISO/IEC 17025:2005) (ở nước ngoài, 2 người x 1 tháng)	12.000 EUR
		- Đào tạo các phương pháp thử liên quan đến sinh thái dệt phù hợp các tiêu chuẩn châu Âu và phát triển các qui trình thí nghiệm tại phòng TN (2 tuần, do chuyên gia thực hiện tại Việt Nam)	10.500 EUR
1.3	Thiết lập phòng thí nghiệm đạt môi trường thử nghiệm chuẩn	Thiết bị và phương tiện làm việc (máy điều hòa, thiết bị văn phòng,…) (VN + Bỉ)	100.000 (VN +Bỉ)
2. Viện nghiên cứu dệt may là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ			
2.1	Mua các thiết bị thực nghiệm qui mô nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển công nghệ (nhuộm/xử lý hoàn tất, mắc, hồ và đánh ống), các sản phẩm và các dịch vụ đào tạo liên quan	- Máy đánh ống (VN)	30.000 EUR (VN)
		- Hệ thống pha chế, cấp thuốc nhuộm tự động (VN)	60.000 EUR (VN)
		- Máy nhuộm thực nghiệm đa chức năng (vải, sợi,…) (VN)	80.000 EUR (VN)
		- Hệ thống thiết bị mắc - hồ - dệt mẫu vải	75.000 EUR
		- 2 Hệ thống dây go cho máy dệt Jaccquard, Staubli harness CX880/268	80.000 EUR
2.2	Đào tạo thêm về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất	- Đào tạo về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất (4/5 tuần ở nước ngoài, 8 người)	45.500 EUR
		- Đào tạo về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất (2 tuần, chuyên gia quốc tế, tại Việt Nam)	10.000 EUR
2.3	Hỗ trợ việc thiết lập hệ thống cỡ số quần áo cho người Việt Nam bằng đào tạo và thiết bị	- Hệ thống thiết bị đo cơ thể người tự động (cố định + di động), gồm 2 tuần học tại Việt Nam (thiết bị + thống kê)	150.000 EUR
		- Tư vấn/đào tạo thiết lập hệ thống cỡ số quần áo phù hợp với người Việt Nam	35.000 EUR
3. Viện nghiên cứu dệt may là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo			
3.1	Thành lập phòng đào tạo	- Thiết lập 1 phòng đào tạo bao gồm thiết bị nghe nhìn và các thiết bị văn phòng khác	10.000 EUR
3.2	Tổ chức đào tạo và hội thảo cho sinh viên, nghiên cứu sinh và cán bộ kỹ thuật	- Đào tạo về các lĩnh vực thí nghiệm sinh thái dệt, công nghệ dệt và quản lý kỹ thuật (VN)	15.000 EUR (VN)
3.3	Nâng cấp chất lượng thư viện thông qua phân tích các yêu cầu đối với thư viện	- Tư vấn (chuyên gia quốc tế, 1 tuần)	6.000 EUR
		- Cung cấp sách và tạp chí dệt may	5.000 EUR
		- Cung cấp các tiêu chuẩn phương pháp thử quốc tế của ngành	2.000 EUR (VN)

		dệt may (VN)	
3.4	Thiết lập hệ thống thông tin qua internet	- Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần) - Đào tạo sử dụng internet/web, cơ sở dữ liệu (1 tuần, tại Việt Nam)	1.000 EUR 6.000 EUR
4. Viện nghiên cứu dệt may là tổ chức hạch toán độc lập			
4.1	Xây dựng chiến lược marketing cho Viện	- Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần)	1.000 EUR
4.2	Trở thành nhà cung cấp dịch vụ thu phí trong lĩnh vực thí nghiệm dệt may	- Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần) - In tờ rơi, quảng cáo về Viện	1.000 EUR 5.000 EUR
4.3	Tăng cường kỹ năng tìm đối tác	- Hội thảo/Triển lãm quốc tế - Tổ chức hội thảo quốc tế	10.000 EUR 5.000 EUR
4.4	Tổ chức tham quan nghiên cứu	- 2 tuần (7 người)	30.000 EUR

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Mã ngân sách			KẾT QUẢ/HÀNH ĐỘNG	Năm 1				Năm 2				Năm 3			
				Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8	Q9	Q10	Q11	Q12
A			**Tăng cường năng lực cho Viên Dệt May để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam thông qua việc nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thí nghiệm, đào tạo và phổ biến thông tin**												
A	*01*		***Viện Dệt May củng cố vị trí của mình là trung tâm hàng đầu về kiểm tra chất lượng hàng dệt may***												
A	**01**	**01**	**Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện tại của Viện Dệt May với các thiết bị mới để thực hiện các phép thử liên quan đến sinh thái, cung cấp các khoá đào tạo có liên quan**												
			Hệ thống sắc ký khí khối phổ (GC-MS), 2 tuần đào tạo			■	■	■							
			Hệ thống sắc ký khí với đầu dò điện tử (GC/ECD), 2 tuần đào tạo			■	■	■							
			Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử có sử dụng lò granit (GF-AAS) để phân tích kim loại, 1 tuần đào tạo			■	■	■							
			Kính hiển vi điện tử quét kết hợp với phổ tia X tán xạ năng lượng (SEM/EDX), Đào tạo cụ thể về SEM/EDX			■	■	■							
A	**01**	**02**	**Hỗ trợ để phát triển các phương pháp thử tiêu chuẩn**												
			Đào tạo tăng cường về quản lý chất lượng phòng thí nghiệm (ISO/IEC 17025:2005) (ở nước ngoài, 2 người x 1 tháng)					■							
			Đào tạo các phương pháp thử liên quan đến sinh thái dệt phù hợp các tiêu chuẩn châu Âu và xây dựng qui trình thí nghiệm của viện (2 tuần, do chuyên gia quốc tế, tại Việt Nam)						■						
A	**01**	**03**	**Xây dựng phòng thí nghiệm phù hợp với môi trường**												
			Sửa chữa và phương tiện làm việc (máy điều hòa, thiết bị văn phòng,…)		■	■	■								

A	*02*		*Viện Dệt May là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ*																
A	**02**	**01**	**Nhận được các thiết bị thực nghiệm qui mô nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển công nghệ (nhuộm/xử lý hoàn tất, mắc, hồ và đánh ống), các sản phẩm và các dịch vụ đào tạo liên quan**																
			Máy đánh ống																
			Hệ thống pha chế, cấp thuốc nhuộm tự động																
			Máy nhuộm thực nghiệm đa chức năng (vải, sợi,…)																
			Máy hồ sợi đơn, hệ thống thiết bị mắc - hồ - dệt mẫu vải																
			2 Hệ thống dây go cho máy dệt Jaccquard, Staubli harness CX880/268																
A	**02**	**02**	**Đào tạo thêm về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất**																
			Đào tạo về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất (4/5 tuần ở nước ngoài, 8 người)																
			Đào tạo về quản lý chất lượng và kỹ thuật cho dệt, nhuộm, hoàn tất (2 tuần, chuyên gia quốc tế, tại Việt Nam)																
A	**02**	**03**	**Hỗ trợ việc thiết lập hệ thống cỡ số may mặc cho người Việt Nam bằng đào tạo và thiết bị**																
			Hệ thống thiết bị đo cơ thể người tự động (cố định + di động), gồm 2 tuần học tại Việt Nam (thiết bị + thống kê)																
			Tư vấn/đào tạo thiết lập hệ thống cỡ số may mặc phù hợp với người Việt Nam																
A	*03*		*Viện nghiên cứu là trung tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ đào tạo cho ngành dệt may và các cơ sở đào tạo*																
A	**03**	**01**	**Thành lập phòng đào tạo**																
			Trang bị 1 phòng đào tạo bao gồm thiết bị nghe nhìn và các thiết bị văn phòng khác																
A	**03**	**02**	**Tổ chức đào tạo và hội thảo cho sinh viên, nghiên cứu sinh và cán bộ kỹ thuật**																
			Đào tạo về các lĩnh vực thí nghiệm sinh thái dệt, công nghệ dệt và quản lý kỹ thuật																
A	**03**	**03**	**Nâng cấp chất lượng thư viện thông qua phân tích các yêu cầu đối với thư viện**																
			Tư vấn (chuyên gia quốc tế, 1 tuần)																
			Cung cấp sách và tạp chí dệt may																
			Cung cấp các tiêu chuẩn phương pháp thử quốc tế của ngành dệt may																
A	**03**	**04**	**Thiết lập hệ thống thông tin qua internet**																
			Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần)																
			Đào tạo sử dụng internet/web, cơ sở dữ liệu (1 tuần, tại Việt Nam)																

A	*04*		***Viện nghiên cứu dệt may là đơn vị hạch toán độc lập***													
A	**04**	**01**	**Xây dựng chiến lược marketing cho Viện**													
			Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần)													
A	**04**	**02**	**Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ có thu phí trong lĩnh vực thí nghiệm dệt may**													
			Tư vấn (người Việt Nam, 1 tuần)													
			In tờ rơi, quảng cáo về Viện													
A	**04**	**03**	**Tăng cường kỹ năng tìm đối tác**													
			Hội thảo/Triển lãm quốc tế													
			Tổ chức hội thảo quốc tế													
A	**04**	**04**	**Tổ chức tham quan học tập**													
			Tham quan học tập ở Châu Âu (7 người)													

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Khóa đào tạo	Các chủ đề đào tạo chính
Đào tạo tăng cường về quản lý chất lượng phòng thí nghiệm (ISO/IEC 17025:2005).(2 người x 1 tháng tại nước ngoài)	- Phòng thí nghiệm được công nhận – Cơ cấu tổ chức - So sánh : sự được công nhận – Chứng nhận - Tổng quan về DIN EN ISO/IEC 17025:2005 - Những thay đổi so với phiên bản DIN EN ISO/IEC 17025-2000 - DIN EN ISO/IEC 17025:2005 nội dung o Các yêu cầu về quản lý o Các yêu cầu về kỹ thuật - Quản lý mẫu thử trong phòng thí nghiệm được công nhận – ba cách thức thử nghiệm thực tế - Những ưu điểm của việc vận hành và đề xuất các phương pháp thử mới - Công nhận các phương pháp thử tự xây dựng
Đào tạo các phương pháp thử liên quan đến sinh thái dệt phù hợp các tiêu chuẩn châu Âu và phát triển các qui trình thí nghiệm tại phòng TN (2 tuần, do chuyên gia giảng dạy tại Việt Nam)	- Kiểm tra các chỉ tiêu sinh thái về chất vô cơ/hữu cơ của sản phẩm dệt may – các giới hạn cho phép cho các mặt hàng xuất khẩu, đánh giá kết quả các phép thử - Kiểm tra các thông số quá trình đặc trưng (dư lượng thuốc nhuộm,…) - Các phép đo các mẫu thí nghiệm môi trường (nước thải, nước sau xử lý,…)
Đào tạo kỹ thuật và quản lý chất lượng trong công đoạn dệt thoi, nhuộm và xử lý hoàn tất	- Các quá trình chuẩn bị dệt (ví dụ hồ tự nhiên, tổng hợp,...) - Nâng cao kỹ thuật và - Thiết kế các kiểu dệt - Tiền xử lý hoàn tất (giặt, tẩy, làm bóng) - Nhuộm (quản lý và đo mầu tự động trong quá trình sản xuất) - Phương pháp nhuộm và quản lý thuốc nhuộm mới (đơn nhuộm, quản lý mầu, độ trắng) - Các công nghệ xử lý hoàn tất cổ điển và hiện đại (chống bẩn, chống nhầu, hiệu ứng da đào và các tính năng khác, công nghệ men vi sinh, công nghệ tăng cường plasma, in phun, hoàn tất nano, tráng phủ) - Quản lý chất lượng trong các quá trình sản xuất ngành dệt (đặc biệt là dệt thoi, nhuộm và xử lý hoàn tất)
Tư vấn / đào tạo về xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cỡ số phù hợp với người Việt Nam	- Xây dựng cấu trúc của hệ thống cỡ số (phân cấp - sắp xếp theo thứ tự tăng dần, giảm dần của cỡ số) - Đánh giá thống kê - Hài hòa với các hệ thống cỡ số quốc tế (Mỹ, châu Âu, Pháp, Anh, Trung Quốc,…)
Đào tạo cho các học viên về các lĩnh vực: kiểm tra chất lượng sản phẩm liên quan đến sinh thái dệt, công nghệ dệt và quản lý kỹ thuật	- Quản lý theo tiêu chuẩn phương pháp thử quốc tế (ISO, EN, DIN, BS,…) và thu thập các tiêu chuẩn - Phân tích chuỗi công việc - Quản lý dự án - Quản lý nghiên cứu, nghiên cứu sáng chế - Đánh giá các kết quả (các ấn phẩm xuất bản, các kết quả nghiên cứu,…)

PHỤ LỤC 4: MÔ TẢ THIẾT BỊ

Tên thiết bị	Chương trình đào tạo	Nội dung đào tạo chính
GC-MS: Hệ thống sắc ký khí khối phổ - Kiểm tra các chất hữu cơ được tách/chiết từ vật liệu dệt	+ 2 tuần tại Việt Nam	- Cách sử dụng/hiệu chuẩn - Bảo dưỡng - Chuẩn bị mẫu - Đánh giá các kết quả đo được
GC-ECD: Hệ thống sắc ký khí với đầu dò điện tử - Kiểm tra các chất hữu cơ được tách/chiết từ vật liệu dệt	+ 2 tuần tại Việt Nam	- Cách sử dụng/hiệu chuẩn - Bảo dưỡng - Chuẩn bị mẫu - Đánh giá các kết quả đo được
GF-AAS: Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử có sử dụng lò granít - Kiểm tra các kim loại có trong phần tách/chiết của các nguyên liệu dệt hoặc có trong các mẫu thử nghiệm môi trường (nước thải,…)	+ 1 tuần	- Cách sử dụng/ hiệu chuẩn - Bảo dưỡng - Chuẩn bị mẫu
SEM/EDX: Kính hiển vi điện tử quét kết hợp với phổ tia X tán xạ năng lượng - Xác định cấu trúc cực nhỏ (micro/nano) của các loại xơ, phân tích các nguyên tố hoá học	+ Tập trung đào tạo cách sử dụng thiết bị	- Cách sử dụng/hiệu chuẩn - Bảo dưỡng - Chuẩn bị mẫu - Đánh giá số liệu về phân tán năng lượng tia X/diễn giải
Cải tạo nâng cấp phòng thí nghiệm, phòng làm việc và các thiết bị văn phòng (máy điều hoà, nội thất văn phòng…)		- Các phép thử cho sản phẩm dệt may cần thiết thực hiện trong điều kiện môi trường thử nghiệm chuẩn (nhiệt độ, độ ẩm,…) và cần được chứng minh bởi các tài liệu lưu trữ
Máy đánh ống		- Cần một máy đánh ống thực nghiệm để nâng cao kinh nghiệm cho các cán bộ của Viện nghiên cứu dệt may trong lĩnh vực kéo sợi và cấu trúc sợi
Hệ thống pha chế, cấp thuốc nhuộm tự động cho các bể nhuộm và máy nhuộm thực nghiệm đa chức năng (trục sợi, sợi,…)		- Giải quyết được tình trạng thiếu thiết bị của Viện nghiên cứu dệt may, khắc phục được điểm yếu trong nghiên cứu về nhuộm và hoàn tất vải
Hệ thống thiết bị mắc - hồ - dệt mẫu vải		- Tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu kỹ thuật trong các khâu chuẩn bị dệt (hồ), mắc và thiết kế các kiểu dệt - Độ linh hoạt cao khi thiết kế mẫu
Hệ thống dây go cho máy dệt	+ Đào tạo 2 x 2	- Nâng cao kỹ thuật và khả năng

Jaccquard	ngày	thiết kế dệt vải - Đào tạo nhằm sử dụng hiệu quả thiết bị, những giới hạn của thiết bị
Hệ thống thiết bị tự động đo các số đo của cơ thể người (cố định + di động)	+ 2 tuần đào tạo tại Việt Nam (về thiết bị + thống kê)	- Cách sử dụng và đánh giá các kết quả đo - Đánh giá thống kê
Lắp đặt một phòng đào tạo bao gồm các thiết bị nghe nhìn (audio-video) và các thiết bị văn phòng		- Cần thiết đào tạo cho tiểu giáo viên và cán bộ của Viện nghiên cứu dệt may
Bổ sung sách, tạp chí ngành dệt và các tiêu chuẩn phương pháp thử quốc tế		- Cần thiết phải cập nhật liên tục các ấn phẩm quốc tế để hoàn thành nhiệm vụ của nhà cung cấp các thông tin và thực hiện các nghiên cứu độc lập ở trình độ cao
Xuất bản các tờ rơi, tờ gấp cung cấp thông tin		- Để trở thành nhà cung cấp thông tin, các dịch vụ đào tạo, các nghiên cứu danh tiếng có uy tín, nhất thiết phải xuất bản và quảng bá thông tin về đơn vị một cách tương xứng

PHỤ LỤC 5 : CÁC TỪ VIẾT TẮT

AAS	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử
AGTEK	Hiệp hội may, dệt, thêu và dệt kim
BTC	Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ
Bộ CN	Bộ Công Nghiệp
BCĐDA	Ban chỉ đạo dự án
BQLDA	Ban quản lý dự án
CPRGS	Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo
DANIDA	Cơ quan Hỗ trợ phát triển quốc tế Đan Mạch
DGDC	Tổng vụ Hợp tác Phát triển Bỉ
ECD	Đầu dò điện tử
EU	Liên minh Châu Âu
EUR	Đồng ơ-rô
FADIN	Viện Thiết kế Thời trang
GF	Lò granít
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HUT	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
IGTC	Trung tâm Đào tạo Dệt May Quốc tế
INCORD	Viện Nghiên cứu và Phát triển Bông
GC	Sắc kí khí
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
MOF	Bộ Tài chính
MPDF	Quỹ phát triển lĩnh vực kinh tế tư nhân Mê Công
MS	Khối phổ kế
NZAID	Cơ quan viện trợ và phát triển quốc tế Niu-Di-Lân
KT&TC	Kỹ thuật và tài chính
SEM/EDX	Kính hiển vi điện tử quét với phổ tia X tán xạ năng lượng
TRI	Viện Dệt May
VINATEX	Tập đoàn Dệt May Việt Nam
VITAS	Hiệp hội Dệt May Việt Nam
VLIR	Khối liên trường đại học Vlaamse Raad
VND	Đồng Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới